

VIÊN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ THÀNH MINH

CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU
TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG NAI

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2017

VIÊN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ THÀNH MINH

CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU
TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG NAI

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. TRẦN THỊ QUANG VINH

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong Luận văn là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc. Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Trần Thị Quang Vinh.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

TP. HCM, ngày tháng năm 2017

Tác giả luận văn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ	7
1.1. Khái niệm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	7
1.2. Khái niệm chung về các tội xâm phạm sở hữu	15
1.3 Ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt đối với các tội xâm phạm sở hữu.	19
1.4 Lịch sử hình thành và phát triển quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	22
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TẠI ĐỒNG NAI VÀ GIẢI PHÁP	34
2.1. Quy định của Bộ Luật Hình Sự 1999 và thực tiễn áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Đồng Nai	34
2.2. Hoàn thiện pháp luật và giải pháp về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.	71
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
CTTP	: Cấu thành tội phạm
HDXX	: Hội đồng xét xử
TNHS	: Trách nhiệm hình sự

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tình hình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999	53
Bảng 2.2: Tình hình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS.	61
Bảng 2.3: Tình hình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS Tòa án ghi nhận dựa theo quy định tại Khoản 2 Điều 46.	62

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong các vụ án hình sự từ thời điểm phát sinh tội phạm, các tình tiết trong vụ án có vai trò quan trọng trong việc xác định và xử lý tội phạm. Các tình tiết của vụ án được sử dụng để phân biệt các loại tội phạm khác nhau, từ đó đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của các trường hợp phạm tội trong cùng loại tội, làm rõ mức độ nguy hiểm cũng như mức độ trách nhiệm hình sự của các trường hợp phạm tội cụ thể.

Trong các tình tiết của vụ án hình sự thì tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ý nghĩa rất quan trọng trong việc xem xét trách nhiệm hình sự, trong việc quyết định hình phạt đối với người thực hiện hành vi phạm tội vì đây là một trong những căn cứ để Hội đồng xét xử quyết định hình phạt. Việc quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không những là cơ sở pháp lý để Hội đồng xét xử đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, từ đó quyết định hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội mà còn đảm bảo việc cải tạo giáo dục người phạm tội, góp phần bảo đảm thực hiện nguyên tắc công bằng, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc bình đẳng và bảo đảm quyền con người.

Nếu thiếu những tình tiết cụ thể, những căn cứ xác đáng có thể dẫn đến việc định tội danh không đúng, không phù hợp, làm cho hình phạt không đạt được mục đích khi áp dụng đối với người phạm tội. Trong đó các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nói chung cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội về xâm phạm sở hữu nói riêng là cơ sở để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội và giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc định tội danh và quyết định hình phạt.

Việc nhận thức đúng và áp dụng thống nhất các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự luôn là đòi hỏi khách quan trong quá trình xét xử đối với người thực hiện hành vi phạm tội trong từng vụ án cụ thể. Việc nhận thức và áp dụng không đúng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự dẫn đến quyết định hình phạt không

đúng làm ảnh hưởng đến nguyên tắc bình đẳng, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc nhân đạo của Nhà nước ta và nhất là không đảm bảo quyền con người.

Trong quá trình lập pháp của nước ta các nhà lập pháp cho thấy quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã tồn tại từ thời phong kiến, trong Quốc triều hình luật đã có những quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình. Cho đến bộ luật hình sự năm 1985, các tình tiết giảm nhẹ TNHS được ghi nhận chính thức như là những chế định độc lập trong pháp luật hình sự một cách chi tiết và khá hoàn thiện. Bộ luật hình sự Việt Nam lần thứ hai với việc thông qua Bộ luật hình sự năm 1999, các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng đã được sửa đổi, bổ sung và tiếp tục hoàn thiện. Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 thì Bộ luật hình sự vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu về mặt lập pháp đối với chế định này, cũng như thực tiễn áp dụng nó.

Trong thời gian qua, ngành Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thực hiện tốt công tác xét xử các vụ án hình sự, trong đó các vụ án đối với các tội xâm phạm sở hữu hầu hết việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đúng với từng người thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện được chính sách hình sự của Nhà nước ta. Tuy nhiên, do cách hiểu về một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không thống nhất dẫn đến một số vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng các tình tiết này.

Mặt khác, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo hướng mở. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã hướng dẫn để áp dụng thống nhất các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 nhưng trong thực tiễn việc áp dụng còn tùy tiện, tùy vào nhận thức chủ quan của Hội đồng xét xử làm ảnh hưởng đến việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung và ảnh hưởng đến nguyên tắc bình đẳng, công bằng, nhân đạo và chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Theo như nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Xét về tổng thể, chế định này đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội

phạm, có ý nghĩa to lớn trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Tuy vậy, cùng với sự phát triển toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa đã nảy sinh nhiều vấn đề bất cập trong quá trình thực tiễn áp dụng chế định này như : chưa đảm bảo tính nhất quán về mặt logic pháp lý, chưa chặt chẽ về mặt lập pháp dẫn đến khó khăn trong áp dụng Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa để làm sáng tỏ về mặt khoa học các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu và vấn đề áp dụng trong thực tiễn, đồng thời đưa ra những giải pháp hoàn thiện các quy định của chế định này, cũng như nâng cao hiệu quả của việc áp dụng những quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu không những có ý nghĩa lý luận - thực tiễn và pháp lý quan trọng, mà còn là vấn đề mang tính cấp thiết trên các phương diện về chính trị, lập pháp hình sự, thực tiễn, đấu tranh phòng chống tội phạm. Đây chính là lý do luận chứng cho việc tôi quyết định lựa chọn đề tài "Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn xét xử các tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai " làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Qua tìm hiểu, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, nhiều bài viết đã được công bố của các nhà luật học về chủ đề này như: Luận án tiến sĩ “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam” TS. Trần Thị Quang Vinh (năm 2000); Th.s Đinh Văn Quế “Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Nxb Chính trị quốc gia năm 2000); Tập thể tác giả do GS. TSKH Lê Văn Cẩm chủ biên năm 2001, giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung, Khoa luật – ĐHQGHN, NXB Đại học quốc gia Hà Nội; Tập thể tác giả do PGS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên 2001, giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung, ĐH Huế, NXB Giáo dục; Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung, NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2010) do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu đã có các bài viết đăng trên Tạp chí luật học, Tạp chí Tòa án nhân dân: Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam của Bùi Kiến Quốc (Tạp chí luật học số 6/2000); Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” của Th.s Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9/2009); Bàn về tình tiết giảm nhẹ khác ở khoản 2 Điều 46 BLHS của Vũ Thành Long (Tạp chí Tòa án nhân dân số 22, tháng 11/2007); Một số vấn đề về phòng vệ chính đáng, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và những vướng mắc trong thực tiễn xét xử của Th.s Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án nhân dân số 17, tháng 9/2009); Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thể hiện sự ăn năn, hối cải của người phạm tội – những tồn tại, vướng mắc và kiến nghị của Phạm Thị Thanh Nga (Tạp chí Tòa án nhân dân số 7, tháng 4/2008)...

Mỗi công trình nghiên cứu, mỗi bài viết của các nhà luật học đã đề cập ở các phương diện và mức độ khác nhau về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khảo sát nêu trên, có thể thấy, ở nước ta đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập trực tiếp về “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn xét xử các tội xâm phạm sở hữu”. Để có góc nhìn khái quát, hệ thống và chi tiết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu, nhất là đi sâu nghiên cứu, phân tích thực tiễn để có phương hướng hoàn thiện, đòi hỏi phải có nhiều hơn các công trình nghiên cứu chuyên sâu. Vì vậy việc chọn đề tài “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn xét xử các tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai” là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài là nhằm tìm ra những bất hợp lý trong quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu, những hạn chế, thiếu sót trong xét xử, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu. Từ đó, đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoàn thiện quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam.

Nhiệm vụ nghiên cứu là để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Đánh giá tổng quan, thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu của Tòa án trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm phát hiện những vướng mắc, thiếu sót trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong hoạt động xét xử đối với các tội xâm phạm sở hữu.

Đề xuất các giải pháp, nâng cao hiệu quả áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các quy định của pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu.

Phạm vi nghiên cứu:

Về nội dung của luận văn là nghiên cứu dưới góc độ của Pháp luật hình sự về tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Bộ luật hình sự năm 1999 được quy định tại Điều 46.

Về không gian, thời gian, luận văn tập trung đánh giá, khảo sát thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Nai trong khoản thời gian 5 năm từ năm 2012 đến năm 2016, đặc biệt là 100 bản án của Tòa án Nhân dân Tỉnh Đồng Nai.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng VIII, IX, X và các Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày

2/1/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 26/5/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ chính trị.

Bên cạnh đó, trong quá trình nghiên cứu đề tài có sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp diễn dịch, phương pháp quy nạp... để tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận: Xuất phát từ các quy định của pháp luật hiện hành về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thực tiễn áp dụng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu. Với phạm vi đề tài tác giả cố gắng đi sâu phân tích một số quy định còn có nhiều ý kiến khác nhau, những tình tiết giảm nhẹ mà Hội đồng xét xử cân nhắc, áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết này hay không được hưởng.

Ý nghĩa thực tiễn: Luận văn đóng góp vào việc làm sáng tỏ những vướng mắc, hạn chế, thiếu sót trong quy định pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng. Qua đó, luận văn đưa ra những giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử của Tòa án. Với kết quả nghiên cứu nêu trên, luận văn là công trình tham khảo cho sinh viên, học viên, các chuyên viên pháp lý, cán bộ thực thi pháp luật và là tài liệu tuyên truyền pháp luật.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm hai chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Đồng Nai và giải pháp

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHỆ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trước khi đưa ra khái niệm về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần phải hiểu được khái niệm về các yếu tố chính cấu thành nên các tình tiết này đó chính là “Tình tiết” và “Giảm nhẹ TNHS”.

Theo Từ điển tiếng Việt, "*Tình tiết*" được hiểu là sự việc nhỏ trong quá trình diễn biến của sự kiện, tâm trạng [22, tr. 979]. Do vậy, tình tiết giảm nhẹ TNHS có thể hiểu là những sự việc nhỏ trong một vụ án có ý nghĩa làm giảm mức độ TNHS của người phạm tội. Nói cách khác, trong vụ án hình sự những tình tiết nào có ý nghĩa làm giảm mức độ TNHS sẽ được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Còn “Giảm nhẹ TNHS” có thể được hiểu là việc miễn, giảm tác động cưỡng chế hình sự thuộc nội dung của TNHS.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được sử dụng khá nhiều và đóng vai trò quan trọng là một trong những căn cứ để Tòa án quyết định hình phạt. Tuy nhiên, BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) lại không đưa ra khái niệm mà chỉ liệt kê các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong Khoản 1 Điều 46 và quy định Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trong Khoản 2 Điều 46. Trong khoa học pháp lý nước ta, quan niệm về vấn đề này cũng chưa thống nhất.

Hiện nay tình tiết giảm nhẹ được hiểu chung nhất là những tình tiết làm giảm bớt mức độ trách nhiệm hình sự. Về khái niệm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quan niệm về vấn đề này cũng có nhiều ý kiến khác nhau.

Quan điểm của GS. TSKH Lê Văn Cẩm cho rằng "*Tình tiết giảm nhẹ TNHS là tình tiết được quy định trong Phần chung BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là tình tiết do Tòa án tự xem xét, cân nhắc và được ghi rõ trong bản án (nếu trong vụ án hình sự không có tình tiết này), đồng thời là một trong những*

căn cứ để cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền và Tòa án tùy thuộc vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cá thể hóa TNHS và hình phạt của người phạm tội theo hướng giảm nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt” [1, tr.17]

Có thể hiểu quan điểm của GS.TSKH Lê Văn Cẩm về tình tiết giảm nhẹ TNHS như sau: Tình tiết giảm nhẹ TNHS là tình tiết được quy định trong Phần chung BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc do toà án tự xem xét cân nhắc và được ghi rõ trong bản án như vậy các tình tiết giảm nhẹ tại Điều 46 và các điều luật khác tại phần chung BLHS, cũng như các tình tiết được áp dụng theo khoản 2 điều 46 có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS trên cơ sở đã có một sự chuẩn mực xác định về TNHS. Theo nghĩa này, tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết được quy định và áp dụng theo quy định tại phần chung BLHS (không bao gồm tình tiết định tội, định khung giảm nhẹ). Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả chỉ nên hiểu “Các tình tiết giảm nhẹ TNHS” ở đây theo nghĩa là các tình tiết có vai trò làm giảm TNHS của người phạm tội một cách thuần túy. Bởi mặc dù có một số trường hợp xuất hiện tình tiết thuộc tình tiết được liệt kê tại Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), nhưng lại đóng vai trò là tình tiết định tội (Ví dụ như tình tiết “Phạm tội do lạc hậu” là tình tiết định tội đối với tội “Giết con mới đẻ”), như vậy nó sẽ không đóng vai trò giảm nhẹ TNHS nữa nên không thể gọi nó bằng tên “Tình tiết giảm nhẹ TNHS” được bởi nó không được coi là có giá trị giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội.

Theo Từ điển pháp luật hình sự, Tình tiết giảm nhẹ TNHS là *“Tình tiết ảnh hưởng đến mức độ TNHS của trường hợp phạm tội cụ thể theo hướng làm giảm xuống so với trường hợp bình thường” [2, tr. 240]*

Hay theo quan điểm của TS. Trần Thị Quang Vinh *“Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết của vụ án hình sự, liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm hình sự, có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo tốt hoặc hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng và giá trị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của chúng chưa được ghi nhận trong chế tài.” [25, tr. 45]*

Ở quan điểm này có thể hiểu TS. Trần Thị Quang Vinh có cách nhìn và đánh giá ở cấp độ bao trùm nhất, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết hay bất kỳ tình tiết nào liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm hình sự mà sự hiện diện của nó làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội, giảm bớt mức độ TNHS phản ánh khả năng cải tạo tốt hoặc hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng.

Tác giả đồng tình với quan điểm của TS. Trần Thị Quang Vinh về Khái niệm Tình tiết giảm nhẹ TNHS từ đó rút ra các đặc điểm của tình tiết giảm nhẹ TNHS bao gồm:

- Tính liên quan đến việc giải quyết TNHS

- Có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo tốt hoặc hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng.

Tính liên quan đến việc giải quyết TNHS:

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải là những tình tiết của vụ án hình sự, liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm hình sự. Trong quá trình giải quyết TNHS của một vụ án hình sự đối với hành vi phạm tội của người phạm tội từ các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các tình tiết của vụ án phải được làm sáng tỏ. Trong một vụ án có nhiều tình tiết khác nhau có những tình tiết định tội, định khung có những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ.

Có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo tốt hoặc hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là các tình tiết có ý nghĩa làm giảm đi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Cơ sở giảm nhẹ TNHS trong trường hợp này xuất phát từ một nguyên tắc quan trọng của luật Hình sự là đảm bảo sự tương xứng giữa tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thực hiện với mức độ TNHS. Giới hạn hành vi của tội phạm phải là giới hạn của sự trừng phạt. Điều đó có nghĩa là tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành

vi phạm tội là thước đo mức độ TNHS. Do vậy, những tình tiết làm giảm mức độ TNHS phải là những tình tiết có ý nghĩa làm giảm đi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây là những tình tiết có liên quan đến mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm, đến nhân thân người phạm tội mà sự hiện diện của chúng có ý nghĩa làm giảm đi mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Theo đó, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thường là những tình tiết phản ánh mức độ thực hiện tội phạm chưa trọn vẹn do nguyên nhân khách quan hoặc do sự tự nguyện của người phạm tội, tác hại của tội phạm gây ra không lớn hoặc đã được khắc phục, mức độ lỗi hạn chế do người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế về khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi, là người phạm tội trong tình trạng tinh thần bị kích động vì hành vi trái pháp luật của người khác, là người chưa thành niên. Những biểu hiện liên quan đến tội phạm và nhân thân người phạm tội nêu trên đã phản ánh sự hạn chế về mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thực hiện. Do vậy, chúng có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS. Hay nói cách khác, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết có khả năng làm giảm đi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và đây là căn cứ giảm nhẹ TNHS.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết phản ánh khả năng cải tạo của người phạm tội. Nhân thân người phạm tội là một trong những nhân tố có ảnh hưởng đến mức độ TNHS. Cơ sở lý luận của khả năng giảm nhẹ này thể hiện ở chỗ, biện pháp xử lý về hình sự chỉ có thể trong giới hạn đủ cần thiết nhằm đạt được mục đích của hình phạt là nhằm cải tạo, giáo dục người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, các quy tắc của cuộc sống chung. Trong hướng giảm nhẹ TNHS này, những tình tiết giảm nhẹ TNHS phải là những tình tiết phản ánh khả năng cải tạo tốt của người phạm tội thể hiện thông qua thái độ thành thực hối lỗi về việc thực hiện tội phạm, có quan hệ tốt với cộng đồng, gia đình, có thái độ tốt đối với lao động, tinh thần sẵn sàng chịu trách nhiệm, quyết tâm cải tạo phục thiện v.v... Mặt khác, việc thực hiện tội phạm, ở mức độ nhất định cũng có nguyên nhân xã hội. Việc thừa nhận con người hành động trong sự tự do ý chí phải chịu trách nhiệm trước xã hội về hành vi của mình, một mặt nhấn mạnh rằng, TNHS

chỉ đặt ra khi một người có lỗi trong việc thực hiện một tội phạm, mặt khác không nhằm phủ định tác động của xã hội đến hành vi của con người. “Sự biến dạng trong quan điểm của cá nhân được hình thành do những ảnh hưởng của những nhân tố tiêu cực trong môi trường của hoạt động sống bao giờ cũng có cơ chế của hành vi phạm tội của cá nhân”. Do vậy, những đặc điểm tiêu cực thuộc nhân thân người phạm tội được hình thành dưới sự tác động khách quan của môi trường cũng nên được xem là yếu tố có ý nghĩa giảm nhẹ một phần TNHS đối với người phạm tội mới là thỏa đáng. Vậy, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết phản ánh khả năng cải tạo tốt của người phạm tội và vì thế mà nó có giá trị giảm nhẹ TNHS.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là các tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng. Trong trường hợp này, việc giảm nhẹ TNHS là vì lý do nhân đạo hoặc do không còn yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế hình sự. Cơ sở lý luận của khả năng giảm nhẹ này xuất phát trước hết từ nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự. Trong lĩnh vực hình sự, nguyên tắc nhân đạo được đặt ra và xây dựng trên cơ sở “hiểu biết khoa học sâu sắc và ngày càng đầy đủ hơn về khả năng thực tế và vai trò đích thực của PLHS trong việc tác động đến tội phạm”. Từ nhận thức đó, Nhà nước sử dụng các biện pháp xử phạt hình sự như công cụ đấu tranh phòng chống tội phạm bằng cách đề cao tác động giáo dục, cải tạo, hướng thiện đối với người phạm tội. Hình phạt cũng như các biện pháp tác động khác chỉ được áp dụng đến mức cần cho sự cải tạo giáo dục chứ không nhằm mục đích khác. Với cách tiếp cận như vậy, khi có cơ sở để khoan hồng đối với người phạm tội, để tin rằng mức độ TNHS được áp dụng đối với họ là đủ cần thiết, Nhà nước sẽ áp dụng cơ chế giảm nhẹ TNHS. Đó chính là chỗ đứng cho các tình tiết giảm nhẹ TNHS vì lý do nhân đạo. Mặt khác, thực tiễn cũng cho thấy, việc buộc người phạm tội phải chịu TNHS xuất phát từ yêu cầu bảo vệ lợi ích của xã hội, bảo vệ trật tự kỷ cương pháp luật – là những điều kiện thiết yếu cho sự phát triển lành mạnh của một xã hội. Nghĩa là việc áp dụng TNHS đối với người phạm tội, là một việc làm cần thiết và có lợi. Tuy nhiên, áp dụng TNHS đối với họ ở một mức độ nhất định cũng có mặt trái của nó. Với tư cách là một con người trong xã hội, người

phạm tội tham gia vào đời sống xã hội với nhiều mối liên hệ khác nhau. Việc áp dụng biện pháp tác động bất lợi về hình sự đối với cá nhân người phạm tội có khả năng kéo theo một số hệ quả tiêu cực nhất định. Ví dụ, người phạm tội là người lao động duy nhất của gia đình thì việc thụ hình tại trại giam có thể làm phát sinh một số hệ quả tiêu cực khác như gia đình của họ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, không có nguồn sống, con cái chưa thành niên của người phạm tội trở thành trẻ không nơi nương tựa, không có người chăm sóc dạy dỗ. Trong những trường hợp này, bên cạnh mặt tích cực và cần thiết của việc áp dụng TNHS đối với người phạm tội thì khả năng phát sinh những hệ quả tiêu cực khác vẫn có thể xảy ra và cần được tính tới. Mức độ và hình thức TNHS cần áp dụng phải được lựa chọn sao cho, một mặt phải đạt được mục đích của nó, mặt khác phải hạn chế tối đa khả năng phát sinh những hệ quả tiêu cực. Đây chính là cơ sở mà PLHS Việt Nam quy định tình tiết giảm nhẹ TNHS vì lý do nhân đạo. Trong PLHS và thực tiễn áp dụng đã thể hiện rõ thái độ nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội là phụ nữ đang nuôi con nhỏ, người chưa thành niên, người già (Điều 46 BLHS), người đang mắc bệnh nặng, người lao động duy nhất trong gia đình (Điều 61 BLHS), nhiều người trong cùng một gia đình có khả năng phải chịu mức án đặc biệt nghiêm khắc v.v... Những trường hợp trên được BLHS quy định là những tình tiết giảm nhẹ TNHS. Như vậy, để quy định và áp dụng một tình tiết nào đó là tình tiết giảm nhẹ TNHS cần dựa vào một trong các căn cứ:

Khả năng làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thực hiện.

Khả năng cải tạo tốt của người phạm tội.

Hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng.

Tóm lại, làm rõ đặc điểm các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa quan trọng trong lập pháp hình sự cũng như áp dụng pháp luật. Việc phân tích cơ chế giảm nhẹ TNHS của các nhóm tình tiết cho thấy những đặc điểm đặc thù đối với mỗi nhóm. Những lý giải này có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động lập pháp, giúp cho các nhà làm luật vận dụng lý luận về căn cứ giảm nhẹ TNHS để quy định đầy đủ và toàn

diện các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Mặt khác, việc luật cho phép áp dụng những tình tiết ngoài luật định làm tình tiết giảm nhẹ TNHS, đòi hỏi phải trang bị kiến thức cần thiết cho cán bộ thừa hành hiểu biết về các tình giảm nhẹ TNHS nói chung và biểu hiện đặc thù trong từng nhóm tình tiết giảm nhẹ TNHS. Hơn nữa, việc lý giải căn cứ giảm nhẹ TNHS, đưa ra phương pháp tiếp cận biện chứng trong việc quy định và đánh giá giá trị giảm nhẹ của các tình tiết là một trong những yếu tố để xác định mức độ TNHS. Đặc điểm giảm nhẹ TNHS cho thấy các tình tiết giảm nhẹ TNHS gắn bó mật thiết với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Như đã biết, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là một phạm trù có tính khách quan chịu sự chi phối của điều kiện xã hội hiện tại. Do vậy, sự vận động xã hội kéo theo sự biến đổi của các điều kiện này có thể làm thay đổi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

1.1.2 Phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Từ khái niệm và đặc điểm của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mang đặc điểm chung là mô tả, thể hiện tính ít nguy hiểm hơn của tội phạm, là một trong những căn cứ quan trọng trong quyết định hình phạt, do vậy việc phân loại chúng cũng là một trong những nội dung quan trọng được xem xét. Dựa trên khoa học pháp lý nước ta đã đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự từ nhiều góc độ, theo nhiều chiều hướng để có cái nhìn toàn diện và đầy đủ nhất, hiện có nhiều cách phân loại khác nhau về vấn đề này theo các căn cứ khác nhau.

Khoa học pháp lý phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo ba nhóm: Các tình tiết thuộc mặt khách quan, chủ quan, nhân thân người phạm tội. Ngoài ra đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khoa học pháp lý hình sự lại phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo ba nhóm: Các tình tiết ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết phản ảnh khả năng cải tạo của người phạm tội; những tình tiết phản ảnh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội.

Qua nghiên cứu tác giả xin đưa ra hai trường hợp phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

Thứ nhất: “Phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự”.

Thứ hai: “Phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật”

Căn cứ vào sự phản ánh về tội phạm và cơ chế giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì có thể chia các tình tiết giảm nhẹ thành các nhóm sau:

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:*

Đây là yếu tố thuộc mặt khách quan, chủ quan hay nhân thân người phạm tội. Những yếu tố quyết định mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các tình tiết thuộc nhóm này là ảnh hưởng trực tiếp của chúng đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thể hiện ở một số khía cạnh:

Thứ nhất: Các tình tiết thuộc những biểu hiện khách quan có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm của dấu hiệu thuộc mặt khách quan đặc biệt là dấu hiệu hành vi khách quan và hậu quả tội phạm.

Thứ hai: Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc những biểu hiện chủ quan thì cơ chế giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của chúng gắn liền với những biểu hiện của dấu hiệu lỗi, mục đích, động cơ phạm tội. Trong khía cạnh này, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thường chỉ về mức độ hạn chế về lỗi của người phạm tội do bị kích động về tinh thần về hành vi trái pháp luật của người khác, sự hạnh chế về nhận thức do bệnh tật, lỗi của người bị hại...

- *Nhóm các tình tiết phản ánh khả năng cải tạo của người phạm tội*

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phản ánh khả năng cải tạo của người phạm tội được quy định trong bộ luật hình sự là các tình tiết như: người phạm tội tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội lập công chuộc tội, người phạm tội tích cực giúp đỡ các có quan có trách nhiệm trong việc phát hiện,

điều tra tội phạm, người phạm tội có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác. Căn cứ của những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này là những biểu hiện được ghi nhận trong quá trình phấn đấu tốt của bản thân người phạm tội, thái độ thừa nhận lỗi của mình về việc thực hiện tội phạm và mong muốn sửa chữa lỗi lầm thông qua việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tích cực lao động.

- *Nhóm các tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng.*

Những tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng là những tình tiết gần như không quan hệ gì tới tội phạm và mục đích của hình phạt nhưng nó thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của nhà nước. Các tình tiết thường gặp như: Người phạm tội là người già, phụ nữ có thai. Căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của nhóm tình tiết này gắn liền với chính sách nhân đạo của nhà nước trong xử lý tội phạm

1.2. Khái niệm chung về các tội xâm phạm sở hữu

1.2.1. Khái niệm về các tội xâm phạm sở hữu.

Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định các tội xâm phạm sở hữu tại Chương XIV từ điều 133 đến điều 145 Bộ luật hình sự. Các tội xâm phạm sở hữu được quy định là những hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật hình sự quy định thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm hại đến quan hệ sở hữu được bộ luật hình sự quy định.

1.2.2. Các đặc trưng pháp lý của các tội xâm phạm sở hữu

Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009 đã liệt kê đầu đủ các tội phạm bằng hình thức phổ biến là mô tả các dấu hiệu cơ bản của chúng. Các đặc trưng thuộc cấu thành của các tội phạm cụ thể phản ánh ở các yếu tố: Khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm. Đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu cũng được cấu thành khi thoả mãn đủ 04 yếu tố trên. Các tội phạm xâm phạm sở hữu là tổng hợp các dấu hiệu đặc trưng pháp

lý thuộc cấu thành tội phạm, là đề cập đến các dấu hiệu, yếu tố bắt buộc cấu thành nên tội xâm phạm sở hữu.

Khách thể của các tội xâm phạm sở hữu

Khách thể loại của các tội xâm phạm sở hữu là quan hệ sở hữu. Quan hệ sở hữu là quan hệ xã hội có nội dung là quyền sở hữu của chủ tài sản gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt đối với tài sản. Bên cạnh quan hệ sở hữu là khách thể bắt buộc của tất cả các tội xâm phạm sở hữu, một số tội thuộc chương này còn xâm phạm đến quan hệ nhân thân (ví dụ: tội cướp tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản...) đây là trường hợp nhiều quan hệ xã hội đều là khách thể trực tiếp của tội phạm vì chúng đều thể hiện bản chất và tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

Đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu là tài sản. Theo quy định tại điều 163 Bộ luật dân sự, tài sản bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ giá trị được bằng tiền và các quyền về tài sản. Tài sản là đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu có thể là tài sản hợp pháp và cũng có thể là tài sản bất hợp pháp (ví dụ: tài sản do một người tham ô mà có vẫn có thể là đối tượng tác động của tội cướp tài sản) việc xác định như vậy là một cách để nhà nước bảo vệ quyền sở hữu của chủ sở hữu hợp pháp. Tài sản là đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu luôn là tài sản có chủ, những tài sản không có chủ, chẳng hạn tài sản đã bị chủ sở hữu vứt bỏ thì không phải là đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên một số đối tượng tuy thoả mãn khái niệm tài sản nói trên nhưng với tính chất đặc biệt lại có thể không phải là đối tượng của các tội xâm phạm sở hữu mà là đối tượng của tội phạm thuộc nhóm tội khác (Ví dụ: Công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia, ma túy, vũ khí...)

Ngoài ra trong nhóm tội xâm phạm sở hữu có một số tội xâm phạm đến quan hệ nhân thân của chủ tài sản hoặc người quản lý tài sản (tự do, tính mạng, sức khoẻ) trong đó quan hệ nhân thân quan trọng hơn và bị xâm hại trước, chỉ có thông qua việc xâm hại quan hệ nhân thân người phạm tội mới có thể xâm hại đến quan hệ sở hữu đối tượng của tội phạm này là con người (nạn nhân) và tài sản (như tội: Cướp

tài sản quy định Điều 133 BLHS 1999; Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản quy định Điều 134 BLHS 1999; Tội cưỡng đoạt tài sản quy định Điều 135 BLHS 1999)

Như vậy đối tượng tác động của nhóm tội xâm phạm sở hữu là tài sản. Tuy nhiên, không phải tất cả các loại tài sản đều là đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu, vậy tài sản nào mới là đối tượng của nhóm tội này?

Về nguyên tắc, tài sản là vật thuộc đối tượng tác động của tội xâm phạm quyền sở hữu phải là vật có thực, tức là vật hữu hình mà con người có thể sờ mó được bằng cách thông thường. Ngoài ra vật đó còn phải đáp ứng được một số đặc điểm như sau: phải là sản phẩm lao động của con người (vì vậy tài nguyên thiên nhiên không là đối tượng tác động của tội xâm phạm quyền sở hữu); vật không có tính năng đặc biệt (tức là không có công dụng đặc biệt và có giá trị sử dụng chung như những vật mang tính chất an sinh)

Bộ luật hình sự 1999 quy định giá trị tối thiểu của tài sản là đối tượng tác động của nhóm tội xâm phạm sở hữu theo các mức sau:

Giá trị tối thiểu hai triệu đồng đối với các tội: Công nhiên chiếm đoạt tài sản tại Điều 137; Trộm cắp tài sản tại Điều 138; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Điều 139; Tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản tại Điều 143. Nhưng nếu dưới hai triệu đồng thì hành vi phạm tội được cấu thành thuộc một trong các trường hợp luật định.

Giá trị tối thiểu bốn triệu đồng đối với tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 140 BLHS 1999. Nhưng nếu dưới bốn triệu đồng thì hành vi phạm tội được cấu thành thuộc một trong các trường hợp luật định.

Giá trị tối thiểu mười triệu đồng đối với tội: Chiếm giữ trái phép tài sản quy định tại Điều 141 BLHS 1999

Giá trị tối thiểu năm mươi triệu đồng đối với tội: Tội sử dụng trái phép tài sản quy định tại Điều 142 BLHS; Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của nhà nước quy định tại Điều 144 BLHS; Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản quy định tại Điều 145 BLHS.

Mặt khách quan của các tội xâm phạm sở hữu

Để xác định mặt khách quan của các tội xâm phạm sở hữu cần xem xét loại cấu thành tội phạm của các tội cụ thể trong nhóm tội phạm này được thể hiện dưới dạng cấu thành tội phạm hình thức và cấu thành tội phạm vật chất.

Cấu thành tội phạm hình thức là cấu thành tội phạm có duy nhất một yếu tố bắt buộc về mặt khách quan của tội phạm chỉ gồm hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản. Các tội này gồm: Tội cướp tài sản quy định tại Điều 133; Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản quy định Điều 134; Tội cưỡng đoạt tài sản quy định Điều 135 nêu mặt khách quan của chúng chỉ có dấu hiệu hình vi khách quan của tội phạm.

Cấu thành tội phạm vật chất là cấu thành tội phạm có các dấu hiệu thuộc mặt khách quan gồm: Hành vi khách quan của tội phạm; Hậu quả của tội phạm và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả đó. Trong nhóm các tội xâm phạm sở hữu ngoại trừ các tội thuộc cấu thành tội phạm hình thức thì các tội còn lại đều thuộc cấu thành tội phạm vật chất.

- Hành vi khách quan là dấu hiệu bắt buộc của tất cả các tội xâm phạm sở hữu. Hành vi khách quan của các tội xâm phạm sở hữu thể hiện rất khác nhau, tùy theo tính chất của từng tội. đây có thể là hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản, hành vi chiếm đoạt tài sản, hành vi chiếm giữ trái phép tài sản, hành vi sử dụng trái phép tài sản, hành vi huỷ hoại, làm hư hỏng, làm mất mát, làm lãng phí tài sản... Các hành vi đó tuy có khác nhau ở hình thức thể hiện nhưng đều gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu bằng cách xâm phạm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt của chủ tài sản.

Các hành vi phạm tội thuộc nhóm này có thể được thực hiện bằng hình thức hành động phạm tội và bằng không hành động. Có hành vi chỉ được thực hiện bằng hành động (ví dụ: hành vi không trả lại tài sản trong tội chiếm giữ trái phép tài sản)

- Hậu quả mà những hành vi nói trên gây ra trước hết là những thiệt hại gây ra cho quan hệ sở hữu. Các hành vi đó làm mất hoặc hạn chế các quyền chiếm hữu, quyền sử dụng hoặc quyền định đoạt đối với tài sản của chủ sở hữu do tài sản bị mất, bị hư hỏng, bị huỷ hoại, bị chiếm giữ hoặc sử dụng trái phép...

Ngoài ra một số tội xâm phạm sở hữu còn có thể gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể của người khác (Ví dụ: tội cướp tài sản).

Mặt chủ quan của các tội xâm phạm sở hữu

Trong nhóm thuộc các tội xâm phạm sở hữu có những tội được thực hiện với lỗi cố ý và các tội được thực hiện với lỗi vô ý. Các tội được quy định từ Điều 133 đến Điều 143 BLHS được thực hiện với lỗi cố ý. Các tội được quy định từ Điều 144 và Điều 145 BLHS được thực hiện với lỗi vô ý.

Động cơ vụ lợi chỉ là dấu hiệu bắt buộc ở tội sử dụng trái phép tài sản điều quy định tại Điều 142 BLHS.

Chủ thể của các tội xâm phạm sở hữu

Chủ thể của các tội xâm phạm sở hữu gồm chủ thể thường và chủ thể đặc biệt

Chủ thể thường đòi hỏi phải đáp ứng dấu hiệu năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật hình sự quy định. Hầu hết các tội thuộc nhóm tội xâm phạm sở hữu đều là chủ thể thường

Chủ thể đặc biệt đối với những tội phạm cụ thể cần phải có những dấu hiệu đặc trưng khác mà không có nó thì người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không thể trở thành là chủ thể của tội phạm đó được. Những chủ thể đòi hỏi dấu hiệu đặc biệt như vậy gọi là chủ thể đặc biệt. Ở nhóm các tội xâm phạm sở hữu thì “*Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng đến tài sản của nhà nước*” được quy định tại Điều 144 là tội có chủ thể đặc biệt. Chủ thể ở tội này là người có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của nhà nước (ví dụ: thủ trưởng cơ quan, kế toán trưởng, thủ kho, bảo vệ).

1.3 Ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt đối với các tội xâm phạm sở hữu.

Việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS có ý nghĩa to lớn về mặt xã hội và mặt pháp lý không chỉ riêng đối với nhóm các tội xâm phạm sở hữu mà là đối với tất cả các nhóm tội danh khác. Bởi khi giải quyết một vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu thì việc giải quyết trách nhiệm hình sự là vô cùng

quan trọng và cần phải cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS để có thể giải quyết một cách chính xác, đảm bảo công bằng, đảm bảo sự tương xứng giữa tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm với mức độ TNHS. Vì vậy mà các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu nói riêng có một số ý nghĩa như sau:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu có ý nghĩa đối với việc giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội.

Ý nghĩa về mặt xã hội của quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Bảo đảm cho việc thực hiện các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo nguyên tắc công bằng xã hội trong lĩnh vực hình sự.

Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong pháp luật hình sự Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước về tội phạm. Việc quy định này là một cách thức đưa nội dung của chính sách hình sự trở thành hiện thực. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là phương tiện cần thiết để thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta là thực hiện công bằng xã hội và thực hiện chính sách nhân đạo trong lĩnh vực xử lý tội phạm. thể hiện ở chỗ từ ý nghĩa cá thể hóa TNHS của mỗi cá nhân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS đem lại sự công bằng đối với người phạm tội xâm phạm sở hữu. Đảm bảo việc xử đúng người đúng tội, làm cho phán quyết về TNHS sát hơn với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Như vậy, các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu là một đảm bảo quan trọng để thực hiện công bằng xã hội ngay cả khi một công dân là người phạm tội. Bên cạnh đó, chính sách hình sự nước ta có một nội dung vô cùng quan trọng đó là khoan hồng. Để hiện thực hóa nội dung này, các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm các tội xâm phạm sở hữu phạm tội đã trở thành công cụ hiệu quả nhất để thực hiện sự nhân đạo, khoan hồng đó. Điều này thể hiện ở chỗ người phạm vào các tội xâm phạm sở hữu thì TNHS của người phạm tội sẽ được giảm đi đáng kể và hạn chế sử dụng những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc.

Ý nghĩa pháp lý của quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu được sử dụng như là phương tiện cá thể hóa TNHS trong áp dụng pháp luật. Trong việc thực hiện chính sách hình sự thì các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu có ý nghĩa rất quan trọng, nó được thể hiện là một trong những nguyên tắc xử lý cơ bản của BLHS.

Mỗi cá nhân phạm các tội xâm phạm sở hữu lại có những yếu tố đặc điểm riêng biệt, những yếu tố, đặc điểm này có thể đủ điều kiện để trở thành tình tiết giảm nhẹ TNHS thì sẽ mang lại những giá trị giảm nhẹ TNHS cho cá nhân đó. Đối với mỗi một vụ án, mỗi một người phạm tội thì tình tiết giảm nhẹ lại có giá trị áp dụng khác nhau. Việc này thể hiện ở chỗ đối với mỗi loại tội trong nhóm các tội xâm phạm sở hữu lại có một khung hình phạt riêng tùy theo mức độ của hành vi phạm tội mà xác định thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng thì khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa khá rộng. Khi quyết định hình phạt, cần phải cân nhắc đến các căn cứ để quyết định hình phạt một cách công minh nhất. Và đối với mỗi tội phạm, trong khung hình phạt quy định thì tùy vào từng trường hợp cụ thể để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS một cách hợp lý và công bằng, đảm bảo ý nghĩa của việc giảm nhẹ TNHS và đem lại hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm các tội xâm phạm sở hữu có ý nghĩa là một trong những căn cứ khi quyết định hình phạt, bảo đảm cho hoạt động xét xử của Tòa án được chính xác, khách quan, công bằng, hợp lý. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm các tội xâm phạm sở hữu cũng là căn cứ để giảm hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt đã được xác định. Giá trị giảm nhẹ còn là căn cứ để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn hoặc thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tù áp dụng đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý, và có nơi cư trú rõ ràng.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm các tội xâm phạm sở hữu thể hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trên tinh thần nhân đạo (*khoan*

hông với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, đã hối cải thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao cho cơ quan, tổ chức xã hội hoặc gia đình giám sát, giáo dục...). Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm các tội xâm phạm sở hữu khi quyết định hình phạt còn có ý nghĩa tác động tích cực tới người phạm tội trong việc giáo dục người phạm tội, hạn chế hậu quả, tác hại của tội phạm, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm. Từ đó người phạm tội sẽ phần nào nhận thức rõ ràng và chấp nhận hình phạt tốt hơn. Hay nói một cách khác, các tình tiết giảm nhẹ TNHS sẽ đem lại cho người phạm tội hy vọng họ vẫn là người có ích cho xã hội để nhận ra sai lầm và cải tạo bản thân. Trong quá trình kết án, các tình tiết này giống như phương tiện để khuyến khích họ phục thiện bằng chính bản thân trong khi cải tạo. Đó cũng chính là mục đích to lớn nhất của hình phạt.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là một trong những điều kiện cần thiết để đạt được mục đích của hình phạt, để hạn chế việc phải sử dụng các biện pháp ngăn chặn có tính nghiêm khắc cao.

1.4 Lịch sử hình thành và phát triển quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

1.4.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tình tiết giảm nhẹ trước pháp điển 1985.

Cách mạng tháng tám năm 1945 thành công chấm dứt sự đô hộ của thực dân Pháp tại Việt Nam. Sau khi xóa bỏ hệ thống pháp luật của thực dân phong kiến, hệ thống pháp luật mới dần được hình thành và trở thành công cụ phục vụ sự nghiệp giữ gìn độc lập tự do của Tổ quốc và xây dựng xã hội mới. Trong những năm đầu tiên giành chính quyền, các quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội được ghi nhận trong các điều luật độc lập áp dụng chung cho các tội phạm được quy định trong các văn bản đó. Pháp luật thời kỳ này tuy đã có một sự khái quát hóa nhất định so với việc quy định các tình tiết giảm nhẹ với từng

tội cụ thể, nhưng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự còn chưa được đặt tên mà mới chỉ ra những trường hợp đáng được khoan hồng trong một số văn bản cụ thể. Nhưng nó cũng thể hiện việc mở rộng khả năng áp dụng của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội cho tất cả tội phạm, là cơ sở để xây dựng các nguyên tắc chung sau này. Có thể kể đến một số quy định tại Điều IV Sắc lệnh số 33C về việc thiết lập các toà án quân sự do Chủ tịch Chính phủ lâm thời ban hành ngày 13/09/1945 đã quy định : “Nếu có những lý do chính đáng khoan hồng vì ít tuổi, vì biết hối cải, vì lầm lẫn, v.v..., thì toà án có thể cho tội nhân được hưởng án treo. Nghĩa là bản án làm tội tuyên lên, nhưng không thi hành; nếu trong năm năm bắt đầu từ ngày tuyên án, tội nhân không bị Toà án quân sự làm tội một lần nữa về việc mới thì bản án đã tuyên sẽ huỷ đi, coi như là không có; nếu trong hạn năm năm ấy, tội nhân bị kết án một lần nữa trước Toà án quân sự thì bản án treo sẽ đem thi hành”; Điều thứ 2 Sắc lệnh số 223 về việc ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ do Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà ban hành ngày 27/11/1946 cũng quy định như sau : “Người phạm tội đưa hối lộ cho một công chức mà tự ý cáo giác cho nhà chức trách việc hối lộ ấy và chứng minh rằng đã đưa hối lộ là vì bị công chức cưỡng bách ước hứa hay là dùng cách trả nguy thôi người ấy được miễn hết các tội. Trong trường hợp này, tang vật hối lộ được hoàn lại”; Sắc lệnh số 133/SL về việc trừng trị các loại Việt gian phản động do Chủ tịch nước ban hành ngày 20/1/1953 tại Điều 2 quy định về nguyên tắc xử lý như sau: “Việc xét xử và trừng trị dựa theo những nguyên tắc sau đây: nghiêm trị bọn chủ mưu, cầm đầu, bọn ngoan cố; khoan hồng đối với những người bị lừa phỉnh, bị ép buộc, lầm đường”, Điều 17 quy định : “Kẻ nào phạm các tội kể trên, mà ở vào một trong những trường hợp sau đây có thể xét xử một cách khoan hồng (giảm nhẹ tội, hoặc tha bổng): a) Trước khi bị truy tố, thành thực hối cải, lập công chuộc tội; b) Tự mình thành thực tự thú, khai rõ ràng những âm mưu và hành động của mình và của đồng bọn; c) Bị ép buộc, lừa dối mà chưa làm hại nhiều cho nhân dân”; Điều 7 Sắc lệnh số 151/SL về việc trừng trị địa chủ chống pháp luật trong khi và ở những nơi phát động quần chúng thi hành chính sách ruộng đất do Chủ tịch Chính phủ Việt

nam dân chủ cộng hoà ban hành ngày 12/04/1953 quy định: “Phạm những tội trên chưa phát giác ra mà kẻ phạm tội thực thà tự thú thì tùy tội nặng nhẹ, thái độ hối lỗi mà xử nhẹ hoặc tha bổng”.

Cho đến giai đoạn sau, các căn cứ quyết định hình phạt đã được ghi nhận rõ hơn trong Báo cáo tổng kết công tác năm 1962 của Tòa án nhân dân tối cao: “Các Tòa án đã dựa vào ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa, chú trọng đến tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ”. Hướng dẫn của Báo cáo này là một bước tiến bộ về khoa học luật hình sự và là tiền đề cho việc các căn cứ quyết định hình phạt cũng như việc quy định các tình tiết giảm nhẹ cụ thể hơn tại các văn bản pháp luật sau này. Nhờ đó, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định khái quát hơn thành một danh mục và có tên gọi về cơ bản là “Các trường hợp giảm nhẹ hoặc miễn hình phạt”. Điều 20 Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng do Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/10/1967 quy định về những trường hợp giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn hình phạt bao gồm có một số tình tiết như tội phạm chưa bị phát giác mà thành thật tự thú, khai rõ những âm mưu và hành động của mình và của đồng bọn; Bị bắt, nhưng trước khi bị xét xử đã tỏ ra thành thật hối cải, lập công chuộc tội. Tương tự đó là Điều 23 về những trường hợp xử nhẹ hoặc miễn hình phạt của Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 21/10/1970; Điều 19 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21/10/1970...

Có thể nói mặc dù chưa có văn bản quy phạm pháp luật hình sự nào quy định chung về những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng sự ra đời của Công văn số 38-NCPL ngày 16/01/1976 của Tòa án nhân dân tối cao đã đánh dấu một bước tiến bộ rõ rệt về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong công tác xét xử. Công văn này là sự tổng kết việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong thực tiễn xét xử, đã có tác dụng hạn chế sự tùy tiện trong việc áp dụng. Trong đó quy định về những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bao gồm: người phạm tội là người chưa thành niên; người phạm tội là phụ nữ có thai; trình độ lạc hậu của người phạm tội; trình độ nghiệp vụ tay nghề non kém;

phạm tội nhẹ lần đầu; người phạm tội tự thú; người phạm tội thành khẩn khai báo; người phạm tội lập công chuộc tội hoặc cải tạo tốt; người phạm tội là người có quá trình tốt hoặc là người có công; hoàn cảnh khó khăn đáng kể hiện nay của bản thân người phạm tội hay gia đình họ; gia đình người phạm tội là gia đình tốt, gia đình có công. Qua đó chứng tỏ rằng các văn bản quy phạm pháp luật hình sự thời kỳ này là nền tảng quan trọng cho việc xây dựng quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 1985

1.4.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tình tiết giảm nhẹ sau pháp điển 1985.

Sau lần pháp điển hóa lần thứ nhất năm 1985, Bộ luật hình sự ra đời thể hiện một sự tiến triển vượt bậc trong lĩnh vực lập pháp. Trong Bộ luật này, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định cụ thể thành một điều và mang tính áp dụng chung cho tất cả các loại tội phạm. Các tình tiết này được quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự 1985 với tên gọi “Những tình tiết giảm nhẹ”, Cụ thể tại khoản 1 điều 38 liệt kê nhưng tình tiết được coi là tình tiết giảm nhẹ như sau:

- a) Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm hoặc tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại;
- b) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, vượt quá yêu cầu của tình thế cần thiết hoặc bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra;
- c) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình tự gây ra;
- d) Phạm tội mà chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
- đ) Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức hoặc chi phối về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác;
- e) Người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;
- g) Phạm tội do trình độ lạc hậu hoặc do trình độ nghiệp vụ non kém;

h) Người phạm tội tự thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải hoặc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm.

Ngoài ra, Bộ luật hình sự 1985 cũng đã quy định về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 38 như sau:

Khoản 2 Điều 38 “Khi quyết định hình phạt, Toà án có thể coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi trong bản án”.

Khoản 3 Điều 38 “Khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Toà án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất mà Điều luật đã quy định hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ này phải được ghi trong bản án”.

Về cơ bản, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Bộ luật hình sự 1985 tương đối đầy đủ và giống như quy định tại Bộ luật hình sự 1999.

Việc khái quát hóa thành một quy định mang tính chất chung như vậy không chỉ thể hiện một bước tiến mới trong kỹ thuật lập pháp, mà nó còn đem lại hiệu quả cao trong việc vận dụng các tình tiết này trong thực tiễn đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Tuy nhiên, khi Bộ luật hình sự 1985 có hiệu lực thi hành thì cũng là lúc sự nghiệp đổi mới bắt đầu. Sự thay đổi các mặt của đời sống xã hội, trong đó đổi mới về kinh tế giữ vai trò quan trọng không chỉ là cơ sở mà còn là đòi hỏi cấp bách đối với sự thay đổi của pháp luật nói chung cũng như của luật hình sự nói riêng. Bộ luật hình sự 1985 với ý nghĩa là nguồn duy nhất trong đó quy định tội phạm và hình phạt được xây dựng trên cơ sở kinh tế xã hội của nền kinh tế bao cấp và trên cơ sở thực tiễn của tình hình tội phạm của thời kì đó. Do vậy, có thể nói ngay khi ra đời Bộ luật hình sự 1985 đã ở trong tình trạng không phù hợp với chủ trương đổi mới cũng như những đòi hỏi của đổi mới. Để đáp ứng và phục vụ công cuộc đổi mới luật hình sự buộc phải có những thay đổi mang tính phát triển. Sự phát triển này được thể hiện trước hết và chủ yếu trong những sửa đổi, bổ sung của Bộ luật này thông qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung cho đến năm 1999.

Quy định của Bộ luật hình sự 1999 về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bộ luật hình sự năm 1999 được xây dựng trên cơ sở sửa đổi, bổ sung một cách tương đối toàn diện Bộ luật hình sự năm 1985 nhưng có kế thừa những nội dung hợp lí, tích cực của Bộ luật này qua bốn lần sửa đổi, bổ sung. So với Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 có những thay đổi cơ bản mang tính tương đối toàn diện thể hiện sự phát triển mới của Luật hình sự Việt Nam. Trong đó, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng có những sự điều chỉnh nhất định.

Cụ thể tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 thể hiện cụ thể các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- a) Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm;
- b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả;
- c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;
- d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;
- đ) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra;
- e) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;
- g) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;
- h) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
- i) Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức;
- k) Phạm tội do lạc hậu;
- l) Người phạm tội là phụ nữ có thai;
- m) Người phạm tội là người già;
- n) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;
- o) Người phạm tội tự thú;

- p) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;
- q) Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm;
- r) Người phạm tội đã lập công chuộc tội;
- s) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác.

Có một số thay đổi như việc loại bỏ tình tiết “do trình độ nghiệp vụ non kém” (Khoản g Điều 38 BLHS 1985) mà chỉ giữ lại tình tiết “Phạm tội do lạc hậu” (Điểm k Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999). Đồng thời tách tình tiết “Người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình” (Khoản e Điều 38 BLHS 1985) thành ba tình tiết riêng biệt như quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 là “Người phạm tội là phụ nữ có thai” (Điểm l); “Người phạm tội là người già” (Điểm m) và “Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình” (Điểm n). BLHS 1999 cũng tách tình tiết “Người phạm tội tự thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải hoặc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm” (Khoản h Điều 38 BLHS 1985) thành ba tình tiết tương ứng tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 là “Người phạm tội tự thú” (Điểm o); “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” (Điểm p); “Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm” (Điểm q).

Ngoài ra, BLHS 1999 còn quy định thêm hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới so với BLHS 1985 đó là “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” (Điểm r) và “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” (Điểm s).

Việc tách các tình tiết ra như vậy hoàn toàn thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta. Bởi lẽ, trong thực tiễn xét xử, nếu người phạm tội có càng nhiều tình tiết giảm nhẹ thì trách nhiệm hình mà họ phải chịu càng ít đi. Và việc thêm hai tình tiết mới cũng là dựa vào thực tiễn xét xử đó là những trường hợp mà thường xuyên

gặp phải, và đáng được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Chính vì thế, những sự thay đổi về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bộ luật hình sự 1999 là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn lúc bấy giờ.

Quy định của Bộ luật hình sự 2015 về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Sau gần 15 năm thi hành, Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung để phù hợp với thực tiễn áp dụng và sự phát triển của đất nước, cũng như quá trình hội nhập vào kinh tế thế giới, ngày 27/11/2015 Bộ luật hình sự năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua. Trong Bộ luật này tiếp tục khẳng định chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng hơn. Trên cơ sở kế thừa những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS) tiếp tục quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) tại Điều 51, nhưng có sự sửa đổi, bổ sung những quy định mới so với BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Qua quá trình nghiên cứu, đánh giá và đối chiếu, thì các tình tiết giảm nhẹ TNHS ở BLHS năm 2015 quy định rõ và chi tiết hơn so với BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Nếu ở BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) chỉ quy định 18 trường hợp cụ thể được xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS (Khoản 1 Điều 46) và các trường hợp khác mà khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi là các tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án (Khoản 2 Điều 46) thì ở BLHS năm 2015 đã quy định 22 trường hợp cụ thể được xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS (Khoản 1 Điều 51) và cũng bổ sung thêm việc Tòa án khi quyết định hình phạt, có thể coi *đầu thú* hoặc các tình tiết khác là các tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.

Các tình tiết cụ thể được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, đó là:

- a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;

- b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;
- c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;
- d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;
- đ) Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;
- e) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;
- g) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;
- h) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;
- i) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
- k) Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;
- l) Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;
- m) Phạm tội do lạc hậu;
- n) Người phạm tội là phụ nữ có thai;
- o) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;
- p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;
- q) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;
- r) Người phạm tội tự thú;
- s) Người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải;
- t) Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm;
- u) Người phạm tội đã lập công chuộc tội;
- v) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác;

x) Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng.

Từ đó, có thể thấy rằng, Khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm 04 trường hợp hoàn toàn mới so với quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Đó là: *Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (điểm đ); Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra (điểm l); Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng (điểm p); Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng (điểm x).*

Ngoài 04 trường hợp trên, Khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 cũng đã sửa đổi dấu, câu từ ở một số quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) nhằm cụ thể hóa hơn các quy định để việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trong thực tế được hiệu quả, chính xác hơn. Đó là:

Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, (sửa đổi bổ sung 2009)	Khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015	Điểm sửa đổi
Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm;	Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm	Thay dấu “,” thành từ “ hoặc ”
Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả	Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả	Thay dấu “,” thành từ “ hoặc ”
Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra	Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;	Thay từ “ người bị hại ”, người khác thành “ nạn nhân ”
Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức;	Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức	Thay dấu “,” thành từ “ hoặc ”
Người phạm tội là người già ;	Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên ;	Thay từ “ người già ” thành cụm từ “ người đủ 70 tuổi trở lên ”

Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải	Người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải	Thay dấu “,” thành từ “ hoặc ”
Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm	Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm	Thay dấu “,” thành từ “ hoặc ”

Đối với quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án”*. Như vậy, ngoài tình tiết là người phạm tội ra đầu thú (bổ sung thêm) có thể coi là tình tiết giảm nhẹ, thì các tình tiết khác mà Tòa án có thể coi là tình tiết giảm nhẹ sẽ áp dụng trên tinh thần tại Điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho đến khi có hướng dẫn mới (nếu có).

Có thể thấy, việc quy định cụ thể và bổ sung thêm một số quy định mới về tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS năm 2015 đã thể hiện rõ sự khoan hồng, tính chất nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với những người phạm tội tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn, hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra. Từ đó, giúp họ có thể được hưởng những hình phạt thấp hơn, để họ sớm trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng, lao động, học tập, trở thành người có ích cho xã hội

Kết Luận Chương I

1. Trong khoa học pháp lý hình sự hiện vẫn chưa thống nhất về mặt nhận thức đối với khái niệm về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, trên cơ sở một số quan điểm điển hình và quy định của BLHS năm 1999, tác giả đồng tình với quan điểm về khái niệm tình tiết giảm nhẹ TNHS của TS. Trần Thị Quang Vinh từ đó đưa ra đặc điểm, phân loại về tình tiết giảm nhẹ TNHS

2. Tác giả đề cập và giới thiệu về các tội xâm phạm sở hữu nêu ra những đặc trưng pháp lý của các tội phạm phạm sở hữu tại Chương XIV từ điều 133 đến điều

145 BLHS 1999. Từ đó nêu lên ý nghĩa tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu

3. Tác giả khái quát về lịch sử hình thành và phát triển các tình tiết giảm nhẹ TNHS so sánh các tình tiết giảm nhẹ TNHS qua từng thời kỳ để thấy được sự tiến bộ trong lập pháp, phạm vi áp dụng đối với các tình tiết giảm nhẹ ngày càng được nâng cao.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TẠI ĐỒNG NAI VÀ GIẢI PHÁP

2.1. Quy định của Bộ Luật Hình Sự 1999 và thực tiễn áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Đồng Nai

2.1.1. Quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 và thực tiễn áp dụng đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Đồng Nai.

Trong mục này tác giả trình bày về nội dung của các tình tiết giảm nhẹ TNHS và mức độ ảnh hưởng của chúng đến TNHS theo BLHS 1999. Trong phần phân tích nội dung của từng tình tiết giảm nhẹ TNHS tác giả đặc biệt tập trung vào việc lý giải cơ sở giảm nhẹ TNHS của mỗi tình tiết giảm nhẹ TNHS và thực tiễn áp dụng.

Tình tiết “Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm” (điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS)

Ngăn chặn tác hại của tội phạm là khi tội phạm đã được thực hiện và người phạm tội tự mình hoặc có sự tác động của khách quan nên đã bằng những khả năng có thể để ngăn chặn không cho tác hại của tội phạm xảy ra.

Làm giảm bớt tác hại của tội phạm là khi tội phạm đã được thực hiện, tác hại của tội phạm đang xảy ra và người phạm tội tự mình hoặc có sự tác động khách quan nên đã bằng những khả năng có thể để không cho tác hại của tội phạm xảy ra lớn hơn.

Đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm, nếu không có gì ngăn cản thì tác hại của tội phạm sẽ xảy ra hoặc xảy ra lớn hơn nhưng người phạm tội đã chủ động ngăn chặn không để cho tác hại xảy ra hoặc chủ động hạn chế mức độ tác hại của tội phạm. Việc này đã làm cho mức độ nguy hiểm của tội phạm bị giảm bớt. Việc làm giảm bớt tác hại có thể thực hiện ngay cả khi hành vi phạm tội đã chấm dứt.

Hành động ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của tội phạm phải xảy ra trên thực tế thì mới coi là tình tiết giảm nhẹ, nếu nó chỉ là có khả năng sẽ xảy ra thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ.

Thiệt hại và tác hại không phải bao giờ cũng là một, có sự tác hại là thiệt hại cụ thể có thể xác định được như tính mạng, sức khỏe, tài sản... nhưng có sự tác hại không phải là thiệt hại xác định cụ thể được như tác hại đến nền an ninh chính trị, đến trật tự an toàn công cộng... Khi xác định tình tiết giảm nhẹ này, cần xem xét cả hành vi đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm mà tác hại đó không phải là thiệt hại cụ thể.

Việc người phạm tội ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm có thể do họ tự thực hiện hoặc do người khác tác động để họ thực hiện. Nếu người phạm tội có nhờ người khác cùng ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm thì họ vẫn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với toàn bộ kết quả của việc ngăn chặn. Vì điều luật chỉ quy định “đã ngăn chặn, làm giảm bớt” chứ không quy định “tự ngăn chặn, làm giảm bớt” nên mức độ giảm nhẹ TNHS sẽ phụ thuộc vào thái độ của người phạm tội đối với việc ngăn chặn, làm giảm bớt thiệt hại. Nếu họ tự hành động sẽ được giảm nhẹ nhiều hơn các trường hợp do người khác tác động.

Trong vụ án có đồng phạm nếu người đồng phạm can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản mà người thực hiện tội phạm nghe theo thì cả hai đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Nếu hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản, mặc dù người thực hiện tội phạm không nghe nhưng hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản có tác dụng làm cho tác hại được giảm bớt thì người có hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào kết quả ngăn chặn, hạn chế được tác hại của tội phạm và thái độ chủ quan của người phạm tội đối với việc ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm (như có tự nguyện, tích cực hay không).

Tình tiết “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc

phục hậu quả” (điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS)

Người phạm tội phải tự nguyện (không do ép buộc, cưỡng chế) sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Cũng được coi là tự nguyện nếu do người khác tác động (khuyên bảo) hay theo yêu cầu của người bị thiệt hại mà người phạm tội sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Sửa chữa là sửa lại, chữa lại những cái bị làm hư hỏng do hành vi phạm tội gây ra.

Bồi thường là bồi thường bằng tài sản cho những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Khắc phục hậu quả là khắc phục tác hại của tội phạm gây ra mà không thể sửa chữa hoặc bồi thường bằng tài sản được.

Tội phạm bao giờ cũng gây ra cho xã hội những thiệt hại đáng kể. Các thiệt hại có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản... Về nguyên tắc, người gây thiệt hại sẽ bị cơ quan có thẩm quyền buộc phải sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, để buộc người phạm tội bồi thường cần một quá trình tố tụng mà thiệt hại cần được khắc phục, sửa chữa kịp thời. Vì vậy, người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả sớm thì không chỉ cần thiết cho việc khôi phục sự bình thường của các quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại mà còn thể hiện thái độ của người phạm tội đã nhận thức được sai lầm của mình, mong muốn sửa chữa, khắc phục hậu quả.

Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là trường hợp người phạm tội đã tự mình hoặc tác động đến người thân thích của mình tìm mọi cách đền bù hoặc khắc phục các thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra như: sửa chữa tài sản bị hư hỏng, trả lại tài sản đã chiếm đoạt, bồi thường các khoản tổn phí về thuốc men, viện phí...

Sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là ba khái niệm có nội dung khác nhau nên có thể hiểu điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS bao gồm 3 tình tiết giảm nhẹ nhưng các tình tiết này gần giống nhau về bản chất nên được quy định trong cùng một điểm. Tuy nhiên, khi áp dụng tình tiết này cần chú ý nếu người

phạm tội chỉ tự nguyện sửa chữa mà không bồi thường hoặc khắc phục hậu quả thì chỉ xác định đã tự nguyện sửa chữa thiệt hại, không được xác định cả tình tiết bồi thường hoặc khắc phục hậu quả, nếu người phạm tội vừa tự nguyện sửa chữa, vừa tự nguyện bồi thường, vừa tự nguyện khắc phục hậu quả thì phải coi họ có cả ba tình tiết giảm nhẹ nếu hành vi của họ chỉ xâm phạm trực tiếp đến một khách thể.

Để được hưởng tình tiết giảm nhẹ này người phạm tội phải tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của tội phạm. Cũng được coi là tự nguyện nếu do người khác khuyên bảo mà người phạm tội sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoặc người phạm tội đang bị giam giữ không thể tự mình sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả được nên đã tác động, nhắn tin cho gia đình bồi thường thay cho mình. Nếu do tác động của người khác (ép buộc, cưỡng chế) người phạm tội mới sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ.

Việc áp dụng 3 tình tiết giảm nhẹ này, tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể như sau:

- Bị cáo là người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 15 tuổi khi phạm tội và cha, mẹ của họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

- Bị cáo là người từ đủ 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi khi phạm tội và cha, mẹ của họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nếu bị cáo không có tài sản;

- Bị cáo (không phân biệt là người đã thành niên hay người chưa thành niên) hoặc cha, mẹ của bị cáo chưa thành niên đã tự nguyện dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận, nếu số tiền, tài sản đó đã được giao cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác quản lý để thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

- Bị cáo (không phân biệt là người đã thành niên hay người chưa thành niên) hoặc cha, mẹ của bị cáo chưa thành niên xuất trình được chứng cứ chứng minh là họ đã tự nguyện dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận và họ đã đem số tiền, tài sản đó về nhà cất giữ để sẵn sàng thực hiện việc bồi thường khi có yêu cầu;

- Bị cáo không có tài sản để bồi thường nhưng đã tích cực tác động, đề nghị cha, mẹ hoặc người khác (vợ, chồng, con, anh, chị, em, bạn bè...) sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và những người này đã thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

- Bị cáo không có trách nhiệm sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra (ví dụ việc bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ) nhưng đã tự nguyện dùng tiền, tài sản của mình để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoặc đã tích cực tác động, đề nghị cha, mẹ, hoặc người khác sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (nếu bị cáo không có tài sản để bồi thường) và những người này đã thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Như vậy, đối với người chưa thành niên phạm tội thì người đại diện hợp pháp của người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả sẽ được coi là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Việc tự nguyện, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả phải xảy ra trước khi xét xử và ở cấp xét xử nào thì cấp đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện và mức sửa chữa, bồi thường hoặc khắc phục hậu quả của người phạm tội đối với thiệt hại mà họ gây ra.

Tình tiết “Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” (điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS)

Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải là người vì bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, tổ chức, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác. Người bị hại là người đang có hành vi xâm phạm đến các lợi ích trên. Nếu hành vi xâm phạm chưa bắt đầu hoặc đã kết thúc thì không thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng. Nếu tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm không đáng kể thì hành vi chống trả không được coi là phòng vệ.

Thiệt hại mà người bị hại gây nên cho hành vi xâm phạm có thể nhiều loại (tính mạng, sức khỏe, tài sản, nhân phẩm, danh dự hoặc các lợi ích xã hội khác) nhưng thiệt hại mà người phạm tội gây ra chỉ có thể là tính mạng và sức khỏe cho người có hành vi xâm phạm.

Về hành vi chống trả của người phạm tội rõ ràng là quá mức cần thiết, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Việc đánh giá hành vi chống trả có quá mức cần thiết hay không phải căn cứ vào tính chất và mức độ của hành vi xâm phạm, không gian, địa điểm nơi xảy ra sự việc và các yếu tố có liên quan.

Xuất phát từ động cơ của người phạm tội là bảo vệ lợi ích của nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mặt khác họ không có ý thức phạm tội và không có đủ điều kiện khách quan, chủ quan để bình tĩnh, sáng suốt lựa chọn chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, cũng như đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công đặc biệt trong những trường hợp bị tấn công bất ngờ. Do đó, tình tiết vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt tới tính nguy hiểm của tội phạm.

Cơ sở giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ giới hạn vượt quá của hành vi phòng vệ. So với các tình tiết giảm nhẹ khác thì tình tiết vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được giảm nhẹ nhiều hơn.

Tình tiết “Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết” (điểm d khoản 1 Điều 46 BLHS)

Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là trường hợp vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa ngay tức khắc đến các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây ra thiệt hại để tránh một thiệt hại khác nhưng thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.

Để được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết và không phải chịu TNHS khi có đủ những điều kiện sau:

+ Phải có sự nguy hiểm đang đe dọa gây thiệt hại ngay tức khắc, nếu sự nguy hiểm đó chưa xảy ra hoặc đã kết thúc thì không được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết;

+ Sự nguy hiểm đang đe dọa phải là sự nguy hiểm thực tế, nếu sự nguy hiểm đó không chứa đựng khả năng thực tế gây ra hậu quả cho xã hội mà chỉ do người thiệt hại tưởng tượng ra thì không được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết;

+ Việc gây thiệt hại để tránh một thiệt hại khác là sự lựa chọn duy nhất: điều kiện này đòi hỏi người gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết phải nhanh chóng chống khả năng đe dọa ngay tức khắc của sự nguy hiểm, nếu không chọn phương pháp gây thiệt hại thì tất yếu không thể tránh được thiệt hại lớn hơn. Nếu còn biện pháp khác để khắc phục sự nguy hiểm và gây thiệt hại là không cần thiết thì không thuộc tình thế cấp thiết;

+ Thiệt hại gây ra phải nhỏ hơn thiệt hại muốn tránh

Cơ sở giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào cường độ của nguồn nguy hiểm và mức độ thiệt hại trên thực tế.

Tình tiết “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra” (điểm đ khoản 1 Điều 46 BLHS).

Phải có hành vi trái pháp luật (không đòi hỏi phải là trái pháp luật nghiêm trọng) của người bị hại hoặc người khác. Người khác ở đây thường là người thân thích với người bị hại.

Hành vi trái pháp luật đó xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thân thích của người phạm tội.

Chỉ áp dụng tình tiết này khi có đầy đủ cả hai điều kiện “phải có hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra” và “hành vi trái pháp luật đó xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thân thích của người phạm tội”.

Trạng thái tinh thần bị kích động là tình trạng tâm lý của con người bị giảm sút về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, đặc biệt là tính tự chủ và kiểm chế do sự tác động của ngoại cảnh.

Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm trong tình trạng không hoàn toàn làm chủ về lý trí và tình cảm do tác động của hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác dẫn đến sự hạn chế về khả năng kiểm soát và khả năng điều khiển hành vi, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức và khả năng điều khiển đối với hành vi của mình.

Được coi là người phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra khi có đủ các điều kiện: Trạng thái tinh thần của người phạm tội phải ở tình trạng bị kích động; phải có hành vi trái pháp luật (có thể là pháp luật hình sự, pháp luật dân sự...) của người bị hại hoặc người khác; hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác phải là hành vi đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích, người có quan hệ thân thiết với người phạm tội là nguyên nhân làm cho người phạm tội bị kích động về tinh thần. Nếu hành vi trái pháp luật gây ra cho người khác không có liên quan gì đến người phạm tội thì người phạm tội không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này, vì

nếu không phải người thân thiết thì không thể có lý do để người phạm tội có thể bị kích động về tinh thần.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tác động dẫn tới mức độ bị kích động và mức độ phản ứng của người bị kích động.

Tình tiết “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra” (điểm e khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm do bị chi phối bởi hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do khách quan đưa lại, họ biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì quẫn bách hoặc để vượt qua khó khăn nhất thời họ đã phạm tội, ý thức chống đối pháp luật của người phạm tội trong trường hợp này thấp hơn so với các trường hợp khác, mục đích của việc thực hiện tội phạm là nhằm thoát khỏi tình trạng khó khăn đó. Hoàn cảnh khó khăn có thể là do thiên tai, chiến tranh, tai nạn, bệnh tật... Hoàn cảnh khó khăn không phải do lỗi của người phạm tội gây ra, nếu do chính bản thân người phạm tội gây ra thì không được giảm nhẹ TNHS theo tình tiết này. Hoặc việc thực hiện tội phạm không phải nhằm thoát khỏi tình trạng khó khăn thì người phạm tội cũng không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Việc xác định thế nào là khó khăn đặc biệt để coi là tình tiết giảm nhẹ thì khó khăn đó phải rơi vào hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội và ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi phạm tội của người phạm tội chứ không phải ở địa phương của họ.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS này chỉ được áp dụng đối với những tội phạm do cố ý, không áp dụng trong trường hợp người phạm tội do vô ý vì các tội phạm do vô ý không có mục đích phạm tội.

Điều kiện để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này đòi hỏi phải có đầy đủ hai điều kiện là “ Phải do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà phạm tội” và “ hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không phải do người phạm tội tự gây ra”

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ khó khăn mà người phạm tội rơi vào hoàn cảnh đó và mức độ cố gắng tìm cách khắc phục của người phạm tội; khó khăn càng lớn thì mức độ giảm nhẹ càng nhiều.

Tình tiết “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” (điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là những trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm nhưng chưa gây ra hậu quả cho xã hội hoặc tuy hậu quả đã xảy ra nhưng không lớn vì được hạn chế do những nguyên nhân khách quan nằm ngoài ý muốn của người phạm tội, như: Hành vi phạm tội bị phát hiện kịp thời nên không xảy ra hậu quả do đã có sự ngăn chặn từ phía những người khác...

Ở tình tiết giảm nhẹ này hoàn toàn không có yếu tố tác động của người phạm tội, người phạm tội hoàn toàn không có hành động ngăn chặn để làm cho thiệt hại không xảy ra hoặc xảy ra không lớn. Khác với tình tiết “Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” nếu người phạm tội chủ động ngăn chặn nên thiệt hại chưa xảy ra hoặc đã xảy ra nhưng thiệt hại không lớn thì thuộc trường hợp “người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm”. Hai tình tiết giảm nhẹ này giống nhau ở chỗ thiệt hại của tội phạm không xảy ra hoặc xảy ra không lớn, nhưng khác nhau ở nguyên nhân dẫn đến việc thiệt hại của tội phạm không xảy ra hoặc xảy ra không lớn.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” chính là sự hạn chế về mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra nên luật hình sự coi trường hợp này là trường hợp được giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, sự hạn chế về thiệt hại lại do nguyên nhân khách quan nên giá trị giảm nhẹ của tình tiết này cũng chỉ ở mức độ nhất định và thấp hơn so với tình tiết “người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm”.

Mức giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc hoàn toàn vào mức thiệt hại mà người phạm tội đã gây ra cho nạn nhân trong phạm vi một cấu thành cụ thể. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn định lượng như thế nào là thiệt hại không lớn, gây khó khăn cho việc áp dụng tình tiết này đối với người phạm tội.

Tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” (điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS)

Tình tiết “phạm tội lần đầu” chỉ có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội nếu việc “lần đầu” phạm tội đó “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Do đó, điều kiện để áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này phải thỏa mãn hai điều kiện cần và đủ, nghĩa là phải thỏa mãn hai vế của vấn đề là “phạm tội lần đầu” và “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” thì người phạm tội sẽ được hưởng tình tiết giảm nhẹ này khi quyết định hình phạt. Nếu người phạm tội chỉ có một trong hai điều kiện trên thì không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này khi quyết định hình phạt.

Việc xác định thế nào là phạm tội lần đầu về lý luận cũng như thực tiễn xét xử còn nhiều ý kiến khác nhau. Quan điểm của người viết cũng giống như đại đa số quan điểm cho rằng, phạm tội lần đầu là từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào. Nếu trước đó đã phạm tội và bị kết án nhưng đã được xóa án tích hoặc chưa bị kết án nhưng đã hết thời hiệu truy cứu TNHS nay bị truy cứu TNHS trong lần phạm tội sau, thì không được coi là phạm tội lần đầu. Tình tiết giảm nhẹ này có tính nhân đạo với những người chưa bao giờ thực hiện hành vi phạm tội, nay vì lý do hoàn cảnh nào đó họ phạm tội lần đầu.

Tuy nhiên, để được hưởng tình tiết giảm nhẹ này, người phạm tội lần đầu phải “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Trường hợp ít nghiêm trọng bao gồm: Trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng (tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù – khoản 3 Điều 8 BLHS năm 1999) và trường hợp tuy phạm vào tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng nhưng vị trí, vai trò của người phạm tội ít nghiêm trọng (thường trong trường hợp phạm tội đồng phạm).

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tội phạm mà người phạm tội đã thực hiện trong phạm vi một khung hình phạt.

Tình tiết “Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức” (điểm i khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đe dọa là dọa nạt, là tạo ra nỗi lo sợ về một tai họa có thể xảy ra; cưỡng bức là dùng sức mạnh uy hiếp tinh thần người khác để bắt buộc họ phải làm dù không muốn cũng không được.

Phạm tội vì bị người khác đe dọa là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm vì bị uy hiếp về mặt tinh thần, bằng cách đe dọa dùng vũ lực hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật đối với người phạm tội hoặc đối với gia đình của họ. Sự uy hiếp đó phải chứa đựng khả năng trở thành hiện thực. Còn phạm tội vì bị người khác cưỡng bức là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm vì bị người khác sử dụng bạo lực về thể chất hoặc tinh thần đối với người phạm tội, dưới bất kỳ hình thức nào, nếu hành vi cưỡng bức không phải là đe dọa.

Cưỡng bức và đe dọa tuy khác nhau về mức độ, nhưng đều làm người khác sợ hãi mà phải phạm tội. Khoa học luật hình sự coi trường hợp đe dọa là cưỡng bức về mặt tinh thần. Vì vậy, đe dọa thực chất là một trường hợp của cưỡng bức, nhưng mức độ làm cho người khác sợ hãi ít hơn trường hợp bị cưỡng bức về vật chất (cưỡng bức về thân thể).

Cưỡng bức về thân thể là trường hợp một người bị bạo lực vật chất tác động (bị trói, bị giam giữ, bị bịt miệng...) khiến họ không hành động được theo ý muốn của mình mặc dù họ biết nếu làm như vậy sẽ gây thiệt hại đến người khác. Người bị cưỡng bức về thân thể không phải chịu TNHS vì họ không có lỗi. Người có hành vi cưỡng bức sẽ phải chịu toàn bộ TNHS về tội phạm mà người bị cưỡng bức gây ra.

Cưỡng bức về tinh thần là trường hợp một người bị đe dọa uy hiếp gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc những lợi ích khác. Người bị cưỡng bức vì sợ bị thiệt hại nên đã hành động hoặc không hành động gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Nếu người bị cưỡng bức hoàn toàn bị tê liệt về ý chí, không còn cách nào khác, buộc phải hành động theo ý muốn của kẻ cưỡng bức thì không phải chịu TNHS. Nếu sự cưỡng bức chưa tới mức làm cho người bị cưỡng bức tê liệt ý chí thì người bị cưỡng bức phải chịu TNHS. Tuy nhiên, ý thức chống đối xã hội của họ ít hơn, người phạm tội ít nguy hiểm hơn so với các trường hợp thông thường khác. Trong trường hợp người bị cưỡng bức theo pháp luật có nghĩa vụ phải bảo vệ tính

mạng, sức khỏe của công dân thì sự cưỡng bức về tinh thần ở mức độ nào cũng không loại trừ TNHS và hành vi phạm tội của họ cũng không được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS này.

Trong tình trạng bị đe dọa, cưỡng bức, hành vi của con người không hoàn toàn là kết quả của sự tự do ý chí; do bị đe dọa, cưỡng bức người phạm tội không hoàn toàn tự do lựa chọn, điều khiển hành vi của mình và bị buộc phải thực hiện tội phạm; những thiệt hại do hành vi phạm tội của họ gây ra không phù hợp với mong muốn của họ.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của thủ đoạn đe dọa, cưỡng bức và hoàn cảnh, điều kiện tránh mối đe dọa, cưỡng bức đó.

Tình tiết “Phạm tội do lạc hậu” (điểm k khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là trường hợp phạm tội do trình độ nhận thức lạc hậu, thấp kém, đã hạn chế khả năng nhận thức tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Người phạm tội do lạc hậu là những người do đời sống sinh hoạt xã hội đều theo phong tục tập quán, tín ngưỡng, không hiểu biết về pháp luật. Thực chất khi phạm tội họ nhận thức rất kém về tính trái pháp luật của hành vi.

Nguyên nhân dẫn đến trình độ lạc hậu của người phạm tội phải là khách quan như do không được học tập, không có những điều kiện thực tế để họ nhận biết được giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu. Ở nước ta, một số đồng bào sống ở vùng rừng núi, đời sống văn hóa, tinh thần chưa cao, mọi quan hệ xã hội còn theo phong tục, tập quán địa phương, Nhà nước tuy đã có biện pháp để nâng cao trình độ nhận thức của họ nhưng vẫn còn một số bộ phận lạc hậu. Tình tiết “phạm tội do lạc hậu” không chỉ được quy định là tình tiết giảm nhẹ TNHS mà còn là yếu tố định tội trong trường hợp đặc biệt như “người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu...giết con do mình đẻ ra...” (Điều 94 BLHS năm 1999).

Việc xác định tình tiết giảm nhẹ này phải căn cứ vào việc đánh giá nhân thân người phạm tội, hoàn cảnh cụ thể khi xảy ra vụ án và các tình tiết khác có liên quan đến nhận thức của người phạm tội.

Đối với trường hợp người phạm tội đã được phổ biến, giáo dục về sự nguy hại của ma túy, chủ trương chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy... mà lại có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hoặc mua bán trái phép chất ma túy, thì không thể viện dẫn lý do ở miền núi trình độ lạc hậu, ít hiểu biết pháp luật và coi đó là tình tiết giảm nhẹ TNHS để áp dụng đối với người phạm tội được.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này tùy thuộc vào mức độ lạc hậu của người phạm tội, vào những điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương nơi người phạm tội sinh sống.

Tình tiết “Người phạm tội là phụ nữ có thai” (điểm l khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là trường hợp người phụ nữ thực hiện tội phạm trong thời gian đang mang thai. Việc mang thai thường gây ra những thay đổi quan trọng về tâm sinh lý dễ dẫn đến tình trạng bị kích động, hạn chế khả năng kiểm soát hành vi.

Xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo trong chính sách hình sự của nước ta nên Luật hình sự Việt Nam quy định người phụ nữ có thai khi phạm tội bị xử lý nhẹ hơn người bình thường phạm tội. BLHS có một quy định đặc biệt là không được áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc bị xét xử (Điều 35 BLHS).

Nếu khi thực hiện tội phạm người phụ nữ không có thai mà chỉ sau khi thực hiện tội phạm mới có thai thì không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này khi quyết định hình phạt. Trong trường hợp chưa có đủ căn cứ để kết luận người phụ nữ có thai khi phạm tội thì phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định.

Cơ sở giảm nhẹ phụ thuộc vào thời kỳ mang thai, ảnh hưởng của tình trạng thai nhi đến việc thực hiện tội phạm của người phạm tội.

Tình tiết “Người phạm tội là người già” (điểm m khoản 1 Điều 46 BLHS)

Việc quy định tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ TNHS xuất phát từ tinh thần nhân đạo xã hội chủ nghĩa, thể hiện chính sách hình sự đối với người cao tuổi.

Theo hướng dẫn của Tòa án tối cao thì đối với người từ đủ 70 tuổi trở lên mà phạm tội thì được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. BLHS 2015 đã quy định cụ thể “*Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên*” là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

BLHS không phân biệt người già phạm tội nào thì được giảm nhẹ TNHS hơn tội nào, nhưng thực tiễn xét xử cho thấy, người già phạm các tội mà tội đó bị ảnh hưởng trực tiếp đến tuổi già thì được giảm nhẹ TNHS hơn khi họ phạm những tội không liên quan gì đến tuổi già.

Cơ sở để xác định tình tiết này là độ tuổi nhưng mức độ giảm nhẹ trách nhiệm còn tùy thuộc vào sức khỏe của từng người. Sức khỏe càng yếu mức giảm càng nhiều. Nếu tình trạng sức khỏe của người già lại thuộc trường hợp “*Người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình*” thì họ được coi là phạm tội có cả hai tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Tình tiết “Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình (điểm n khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là trường hợp người phạm tội khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đang mắc bệnh nào đó nên đã không nhận thức được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của mình, cũng như hậu quả của hành vi do mình gây ra hoặc nhận thức được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi đó nhưng bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi, không điều khiển được hành vi theo ý muốn. Trong trường hợp này, lỗi của người phạm tội là lỗi hạn chế nên họ được coi là có tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Tình tiết giảm nhẹ này chỉ được áp dụng đối với người phạm tội có bệnh này do bẩm sinh hoặc do những tác động khách quan gây nên và phải gắn với hành vi cụ thể mà họ thực hiện chứ không phải cứ có bệnh là được giảm nhẹ.

Nếu tình trạng bệnh tật của một người đã làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì họ không phải chịu TNHS. Việc xác định tình trạng của một người còn hay mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thuộc trách nhiệm của cơ quan pháp y. Ở giai đoạn tố tụng nào phát hiện

được hoặc do người phạm tội yêu cầu thì cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định tình trạng bệnh tật của người phạm tội.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tình trạng bệnh tật, mức độ hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội.

Tình tiết “Người phạm tội tự thú” (điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS)

Theo quy định của Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao thì, người phạm tội tự thú là tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện mình phạm tội. Đây là trường hợp tội phạm chưa bị phát hiện nhưng người thực hiện tội phạm đó đã tự đến cơ quan có thẩm quyền (Công an, Viện kiểm sát...) khai báo hành vi phạm tội của mình. Cũng được coi là tự thú trong trường hợp một người bị bắt, bị phát hiện về một hành vi phạm tội cụ thể, nhưng trong quá trình điều tra tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội khác của mình mà chưa bị ai phát hiện.

Khoản 2 Điều 25 BLHS quy định người phạm tội có thể được miễn TNHS nếu “người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm”. Như vậy, người phạm tội tự thú có thể được miễn TNHS khi có đủ các điều kiện, đó là: Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú; Sau khi đã tự thú, khai rõ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm (nếu có), góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm.

Nếu thiếu một trong những điều kiện trên đây hoặc tuy đầy đủ nhưng do tính chất, mức độ phạm tội của người tự thú chưa đến mức được miễn TNHS thì được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự thú” khi quyết định hình phạt.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào thời gian, mức độ của hành vi tự thú và những điều kiện về tự thú của người phạm tội, nếu việc tự thú giúp cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh tội phạm, phát hiện tội phạm thì mức độ giảm nhẹ nhiều hơn, thậm chí được miễn hình phạt.

Tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” (điểm p

khoản 1 Điều 46 BLHS)

Thành khẩn khai báo là trường hợp người phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai đầy đủ và đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện.

Giá trị giảm nhẹ TNHS đối với trường hợp có thái độ thành khẩn khai báo tùy thuộc vào sự thành khẩn của người phạm tội ở giai đoạn tố tụng nào và tùy thuộc vào ý nghĩa thiết thực của lời khai đó với việc xác định hành vi phạm tội của họ cũng như các đồng phạm khác (nếu có). Việc thành khẩn khai báo ở giai đoạn tố tụng nào cũng có ý nghĩa tích cực nhất định. Đánh giá giá trị giảm nhẹ của tình tiết này không thể đơn thuần nhìn vào thời điểm của sự thành khẩn ở giai đoạn nào trong quá trình tố tụng mà phải căn cứ vào ảnh hưởng của việc khai báo thành khẩn đến hiệu quả của việc điều tra, xét xử.

Ăn năn hối cải là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm, người phạm tội thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm về tội lỗi của mình không chỉ bằng lời nói mà còn bằng những hành động, việc làm cụ thể để chứng minh cho việc mình muốn sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành người tốt; bù đắp những tổn thất, thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Đối với những trường hợp người phạm tội thật thà khai báo về những hành vi mà họ đã thực hiện, nhưng do hiểu biết pháp luật hạn chế nên cho rằng hành vi của họ là hợp pháp, không thừa nhận là đã phạm tội, nhưng sau khi được cơ quan tiến hành tố tụng phân tích, giải thích, họ biết được tội lỗi và ăn năn hối cải. Khi xét xử, Tòa án cần cho họ được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thật thà khai báo, ăn năn hối cải”.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của việc thành khẩn khai báo phụ thuộc vào sự thành khẩn được thực hiện ở giai đoạn tố tụng nào và ý nghĩa thiết thực của sự thành khẩn trong việc giải quyết vụ án; mức độ giảm nhẹ của sự ăn năn hối cải phụ thuộc vào mức độ ăn năn hối cải của người phạm tội, những hành động, việc làm cụ thể chứng minh cho sự ăn năn hối cải đó.

Tình tiết “Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm (điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS)

Tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm là người phạm tội đã cung cấp các bằng chứng, tài liệu, tin tức cho cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm (chỉ nơi cất giấu tang vật, nơi người phạm tội khác đang lẩn trốn...) hoặc làm mọi việc theo yêu cầu của các cơ quan đó để phát hiện và điều tra tội phạm mà họ tham gia thực hiện hoặc về một tội phạm khác hoặc người phạm tội khác mà chưa bị phát hiện và tội phạm này không có liên quan gì đến họ nhưng họ biết được.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS này thực chất là một điều kiện của tự thú, có thể sau khi vụ án bị phát hiện họ đã giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm. Còn sau khi tự thú, người phạm tội giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm thì có thể được miễn TNHS. Là một điều kiện của tự thú nhưng lại là tình tiết giảm nhẹ độc lập, nếu chỉ có tình tiết này thì không thể gọi là người phạm tội tự thú được. Còn nếu đã xác định người phạm tội tự thú thì không áp dụng tình tiết này là một tình tiết giảm nhẹ độc lập nữa.

Trong trường hợp người phạm tội khai báo với cơ quan điều tra về một tội phạm khác mà chưa bị phát hiện và tội phạm này không có liên quan gì đến mình, thì họ vẫn được giảm nhẹ TNHS theo tình tiết này.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chủ động, mức độ tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm; giá trị của những thông tin, tài liệu, bằng chứng mà người phạm tội đã cung cấp; hiệu quả của những tin tức và hành vi giúp đỡ của người phạm tội.

Tình tiết “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” (điểm r khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm, cho đến trước khi bị xét xử, người phạm tội không những ăn năn hối cải, tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm do họ thực hiện, mà còn có những hành động giúp đỡ các cơ quan có thẩm quyền phát hiện hoặc ngăn chặn các tội phạm khác, tham gia phát hiện tội phạm, bắt người phạm tội, có hành động vì lợi ích của nhà

nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác... được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng nhận.

Việc lập công này thể hiện phần nào sự hối hận cũng như quyết tâm cải tạo của người phạm tội. Thông thường người phạm tội được coi là lập công chuộc tội nếu họ có thành tích xuất sắc trong hoàn cảnh đặc biệt đáng được biểu dương như không quản ngại khó khăn, đặc biệt có thể ảnh hưởng đến tính mạng đã lao vào đám cháy, lũ lụt để cứu người, tài sản.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào công trạng của người phạm tội lập được, thành tích càng lớn mức giảm nhẹ TNHS càng nhiều, thậm chí có thể được miễn hình phạt nếu có thêm các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 54 BLHS năm 1999. Trường hợp bị kết án mà lập công lớn thì người phạm tội có thể được miễn chấp hành hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 57 BLHS năm 1999.

Tình tiết “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” (điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS)

Theo Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: Người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là người được khen thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo, hoặc có thể sáng chế phát minh có giá trị lớn hơn hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sỹ thi đua.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này xuất phát từ đòi hỏi công bằng, thông qua việc cân nhắc hợp lý giữa công và tội của người phạm tội, đồng thời tính đến khả năng cải hóa của người phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ thành tích xuất sắc mà người phạm tội đã đạt được. Tình tiết này có ý nghĩa rất nhỏ trong trường hợp phạm những tội nghiêm trọng.

Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999

Nhìn chung, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu trong quyết định hình phạt khá phổ biến. Tuy nhiên, việc sử dụng các tình tiết này lại không đồng đều về mặt tần suất được sử dụng. Có những tình tiết được sử dụng khá nhiều, hầu như có mặt tại tất cả các bản án. Ngược lại, có những tình tiết lại gần như không được sử dụng hoặc sử dụng rất ít. Tác giả đã thống kê số lần sử dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu dựa trên cơ sở nghiên cứu 100 bản án nói trên, thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.1: Tình hình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999

STT	Tên tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu theo quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999	Số lần được áp	Tỷ lệ
1	Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm; (Điểm a)	0	0%
2	Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; (Điểm b)	62	62%
3	Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; (Điểm c)	0	0%
4	Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết; (Điểm d)	0	0%
5	Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra; (Điểm đ)	0	0%
6	Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra; (Điểm e)	0	0%
7	Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn (Điểm g)	17	17%

8	Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Điểm h)	11	11%
9	Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức; (Điểm i)	0	0%
10	Phạm tội do lạc hậu; (Điểm k)	0	0%
11	Người phạm tội là phụ nữ có thai; (Điểm L)	0	0%
12	Người phạm tội là người già; (Điểm m)	0	0%
13	Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; (Điểm n)	0	0%
14	Người phạm tội tự thú; (Điểm o)	3	3%
15	Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; (Điểm p)	96	96%
16	Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm; (Điểm q)	0	0%
17	Người phạm tội đã lập công chuộc tội; (Điểm r)	0	0%
18	Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác. (Điểm	0	0%

Qua bảng trên ta có thể thấy rõ sự chênh lệch về tần suất được áp dụng giữa các tình tiết. Tình tiết được sử dụng nhiều nhất trong các bản án là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải” được quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 với số trường hợp sử dụng lên đến 96 trường hợp, chiếm tỷ lệ 96%. Xếp thứ hai là tình tiết “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” quy định điểm b Khoản 1 Điều 46 với số trường hợp được áp dụng lên đến 62 trường hợp chiếm tỷ lệ 62%. Tiếp theo là tình tiết “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” theo điểm g Khoản 1 Điều 46 với số trường hợp

được áp dụng là 17 trường hợp chiếm 17%. Tiếp theo là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 với số trường hợp được sử dụng là 11 trường hợp, chiếm tỷ lệ 11%. Tiếp theo là tình tiết “Người phạm tội tự thú” có 3 trường hợp, chiếm tỷ lệ 3%. Còn lại các tình tiết khác không có trường hợp nào được áp dụng trong 100 bản án mà tác giả đã nghiên cứu.

Sở dĩ có sự chênh lệch như vậy là bởi nhiều nguyên nhân. Có một số tình tiết đã được sử dụng là tình tiết định tội, định khung hình phạt thì không được vận dụng để giảm nhẹ TNHS nữa. Hoặc nguyên nhân khác là do nhiều trường hợp chỉ đáp ứng được một phần điều kiện của tình tiết giảm nhẹ, những trường hợp này Tòa án thường ghi nhận là tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 46

Qua nghiên cứu các bản án về các tội xâm phạm sở hữu cho thấy việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS này đa số đã được vận dụng đúng nội dung và điều kiện theo yêu cầu luật định và đảm bảo tính công bằng, hợp lý. Tuy nhiên việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có cả yếu tố nhận thức cũng như trình độ của thẩm phán, do đó không tránh được những sai sót thể hiện ở việc mở rộng hay thu hẹp phạm vi áp dụng các các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu.

Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy việc vận dụng chưa đúng hoặc cách hiểu chưa đầy đủ, thống nhất một số tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 như sau:

Về tình tiết “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” theo điểm b Khoản 1 Điều 46, khảo sát thực tiễn xét xử tại Đồng Nai nhận thấy Tòa án cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này tương đối nhiều và đa số là chính xác. Tuy nhiên, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này trong thực tế còn chưa chính xác và không thống nhất như: Tài sản do cơ quan điều tra thu giữ, trả cho người bị hại hoặc người bị hại phát hiện và tự thu hồi tài sản nhưng Tòa án vẫn áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Ví dụ như bản án số 50/2012/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Tòa án Nhân dân Tỉnh Đồng Nai xét xử vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với Trần

Văn Hoà, hội đồng xét xử nhận định Tài sản bị cáo lừa đảo chiếm đoạt đã được trả cho bị hại nên Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm b Khoản 1 Điều 46 là chưa đúng vì: Đề có tiền đánh bạc bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt xe của 02 bị hại để cầm cố lấy tiền đánh bạc, sau khi thua hết và bị hại liên hệ Hoà để yêu cầu trả xe thì Hoà thông báo cho bị hại là đã cầm xe đánh bạc tại tiệm cầm đồ Yên Thủy, sau đó Hoà bị công an bắt giữ. Đối với tài sản của 02 bị hại được chính 02 bị hại dùng tài sản của mình để chuộc lại. như vậy ở đây Bị cáo không tự nguyện sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả theo quy định điểm b Khoản 1 Điều 46 mà chỉ thông báo cho bị hại là cầm cố tài sản và địa điểm cầm cố những vẫn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b Khoản 1 Điều 46 là chưa chính xác.

Về tình tiết *"phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"* theo điểm h Khoản 1 Điều 46 khảo sát thực tiễn cho thấy việc áp dụng điểm này chưa thống nhất không đảm bảo điều kiện áp dụng lại chỉ chú ý đến về đầu tiên là "phạm tội lần đầu" chứ không chú ý đến "thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" do có những cách hiểu khác nhau về "phạm tội lần đầu" và "trường hợp ít nghiêm trọng" nên có sự áp dụng không thống nhất giữa các Thẩm phán, có Thẩm phán chỉ xác định tình tiết giảm nhẹ TNHS "phạm tội lần đầu" mà không xác định đến về thứ hai "thuộc trường hợp ít nghiêm trọng". Có Tòa án xét xử bị cáo phạm tội không phải là lần đầu mà chỉ thuộc trường hợp lần đầu bị "đưa ra xét xử" nhưng cũng áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ví dụ: Theo bản án hình sự số 183/2014/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2014 của toà án nhân dân Tỉnh Đồng Nai xét xử các bị cáo Nguyễn Hoàng Hải, Đỗ Hùng Thương đã phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản", "Trộm cắp tài sản", Tòa án hình sự sơ thẩm đã áp dụng Điểm h Khoản 1 Điều 46 BLHS làm căn cứ giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo. Xét về nội dung vụ án, trước khi đưa ra xét xử đối với hành vi phạm tội diễn ra ngày 09/02/2014, trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai báo về hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội trước đó vào ngày 07/01/2014. Như vậy, trong trường hợp này có được coi là phạm tội lần đầu không?, hiện nay

vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm "Phạm tội lần đầu". Nên hiểu theo "Lần đầu thực hiện hành vi phạm tội" hay "Lần đầu bị kết án"? Việc quy định như hiện tại và không có hướng dẫn cụ thể sẽ gây ra việc hiểu và vận dụng không thống nhất như vụ án kể trên. Hay tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2012/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2012 của Toá án Nhân dân Tỉnh Đồng Nai xét xử bị cáo Huỳnh Thị Hồng về tội “Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản” Toà án Hình sự sơ thẩm đã áp dụng điểm h Khoản 1 Điều 46 làm căn cứ giảm nhẹ TNHS cho bị cáo Hồng. Về nội dung vụ án bị cáo Hồng do cần tiền cho con đi học tác lao động tại Nhật Bản, bị cáo đã tham gia chơi nhiều dây hụi sau đó hốt trước và còn vay mượn của nhiều người. tuy nhiên sau khi hốt hụi và vay mượn tiền của nhiều người Hồng đã sử dụng vào việc trả lãi và các khoản nợ gốc, đến khi không còn khả năng Hồng bỏ trốn khỏi địa phương. Tổng số tiền Hồng đã chiếm đoạt là 882.000.000 đ và 1200USD. Như vậy tài sản chiếm đoạt có giá trị trên 500.000.000đ. Như vậy trong trường hợp này số tiền chiếm đoạt trên 500.000.000đ không còn thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. để áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm h Khoản 1 Điều 46 phải bao gồm hai vé là “ Phạm tội lần đầu” và “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” Trong trường hợp này Toà chỉ xem xét vé đầu là bị cáo Hồng phạm tội lần đầu và cho hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm h khoản 1 điều 46 là chưa chính xác.

Tình tiết: *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm p Khoản 1 Điều 46.* Qua khảo thực tiễn xét xử cho thấy việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này rất nhiều đa số các bản án về các tội xâm phạm sở hữu đều được áp dụng tuy nhiên đối với tình tiết tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS đã được quy định khá rõ ràng, việc áp dụng tình tiết này không khó khăn nên việc vận dụng trong thực tiễn không đúng là lỗi của riêng tòa đó. Như vậy, trong thực tiễn xét xử cần thắt chặt hơn nữa việc áp dụng và cần nâng cao trình độ chuyên môn của người áp dụng. Ví dụ Theo bản án Hình sự sơ thẩm số 72/2012/HSST ngày 20/8/2012 của toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử các Bị cáo Nguyễn Anh Nhật, Võ Minh Thành, Ngô Văn Hùng, Nguyễn Duy Khánh phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Riêng

trường hợp của Nguyễn Duy Khánh không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cho rằng Võ Minh Thành thuê mình vận chuyển hàng hoá đi tiêu thụ nhưng không biết là tài sản này là tài sản do phạm tội mà có nên tham gia vận chuyển và cùng thuê xe của nhiều người khác để vận chuyển và chi hưởng tiền chênh lệch khi thuê xe. Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã chứng minh bị cáo Khánh cảnh giới và vận chuyển tài sản do trộm được đi tiêu thụ. Khi lượng hình toà án đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm p Khoản 1 Điều 46 làm căn cứ giảm nhẹ đối với bị cáo Khánh. Như vậy việc toà án áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này đối với bị cáo Khánh là có sai sót khi Khánh không thừa nhận hành vi phạm pháp luật của mình, không thể hiện sự ăn năn hối cải.

Nguyên nhân dẫn đến các hạn chế, sai sót trên đó là có thể do sự phức tạp của quy định về các các tình tiết giảm nhẹ TNHS, do chưa có nhận thức thống nhất về nội dung và điều kiện áp dụng, thiếu hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền hoặc có thể do năng lực của các chủ thể áp dụng.

Tóm lại, phạm vi áp dụng của các các tình tiết giảm nhẹ TNHS khá rộng. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS này được áp dụng cho tất cả các loại tội phạm và cả nhóm các tội xâm phạm sở hữu một cách công bằng, không phân biệt mức độ áp dụng. Mặc dù phạm vi áp dụng rộng dẫn đến có một số hạn chế nhưng điều kiện áp dụng lại chặt chẽ nên về cơ bản việc vận dụng vẫn đảm bảo được yếu tố khách quan, công bằng.

2.1.2. Quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 và thực tiễn áp dụng đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Đồng Nai

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ TNHS cụ thể đã được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự thì “*Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án*”. Điều này thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, đảm bảo

hiệu quả của nguyên tắc có lợi cho bị cáo, có tác dụng tích cực trong việc giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Đây là những tình tiết được áp dụng trong thực tiễn xét xử của Tòa án, có giá trị pháp lý đáng kể, giúp HĐXX có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội trong giới hạn một khung hình phạt và lựa chọn biện pháp chấp hành hình phạt. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS cho phép quyền tùy nghi rộng rãi đối với Tòa án trong việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS. HĐXX căn cứ vào từng vụ án, hoàn cảnh cụ thể, nhân thân của người phạm tội để xác định một tình tiết giảm nhẹ nào đó là tình tiết giảm nhẹ khác và ghi rõ vào bản án.

Tuy nhiên, để các Tòa án áp dụng thống nhất, Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/9/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn cụ thể các tình tiết sau đây được coi là các tình tiết giảm nhẹ khác:

- Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước;

- Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ, chồng, cha, mẹ, con (con đẻ hoặc con nuôi), anh, chị, em ruột là liệt sỹ;

- Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên;

- Người bị hại cũng có lỗi;

- Thiệt hại do lỗi của người thứ ba;

- Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo;

- Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản;

- Phạm tội trong trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác đột xuất như đi chống bão, lụt, cấp cứu.

Ngoài ra, khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà HĐXX có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ nhưng phải ghi rõ trong bản án. Như các trường hợp sau: Nếu có người đã biết hành vi phạm tội của người phạm tội nhưng biết không thể trốn tránh được nên người phạm tội đến cơ quan có thẩm quyền trình diện (đầu thú). Cũng cần chú ý là, trong trường hợp này, nếu người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hoặc có những việc làm khác thuộc trường hợp được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS thì được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS.

Luật hình sự không cho phép áp dụng các tình tiết này để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Vì vậy, các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 có giá trị pháp lý thấp hơn so với các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS nên mức độ giảm nhẹ TNHS cũng thấp hơn.

Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Khoản 1 Điều 46, có rất nhiều tình tiết được Tòa án ghi nhận cũng có giá trị giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 46. Đó là các tình tiết đã được hướng dẫn tại các văn bản hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999. Cũng dựa trên cơ sở của 100 bản án mà tác giả đã nghiên cứu, có thể rút ra tình hình áp dụng các tình tiết đó tại bảng sau:

Bảng 2.2: Tình hình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS.

STT	Tên tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 được hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999	Số lần được áp dụng	Tỷ lệ
1	Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước	9	9%
2	Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ, chồng, cha, mẹ, con (con đẻ hoặc con nuôi), anh, chị, em ruột là liệt sỹ	0	0%
3	Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên	0	0%
4	Người thiệt hại cũng có lỗi	0	0%
5	Thiệt hại do lỗi người thứ 3	0	0%
6	Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo	22	22%
7	Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản;	11	11%
8	Phạm tội trong trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác đột xuất như đi chống bão, lụt, cấp cứu	0	0%

Qua khảo sát 100 bản án tại toá án nhân dân Tỉnh Đồng Nai về các tội xâm phạm sở hữu thể hiện thấy rõ tình hình áp dụng các tình tiết thuộc Khoản 2 Điều 46 và hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP. Tình tiết được áp dụng nhiều trong các bản án “*Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo*” với số trường hợp áp dụng 22 trường hợp chiếm tỷ lệ 22%. Tiếp theo là tình tiết “*Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khoẻ của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản*” số trường hợp được áp dụng là 11 trường hợp chiếm tỷ lệ 11%. Tiếp theo là tình tiết “*Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước*” số trường hợp được áp dụng là 9 trường hợp chiếm tỷ lệ 9%. Còn lại các tình tiết khác không có trường hợp nào được áp dụng trong 100 bản án mà tác giả nghiên cứu.

Ngoài các trường hợp được sử dụng theo Khoản 2 Điều 46 và hướng dẫn tại nghị quyết 01/2000/HĐTP thì còn có các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong các trường hợp cụ thể được toà án ghi nhận. Cũng dựa trên cơ sở của 100 bản án về các tội xâm phạm sở hữu mà tác giả nghiên cứu có thể thấy tình hình áp dụng các tình tiết tại bảng sau:

Bảng 2.3: *Tình hình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS Tòa án ghi nhận dựa theo quy định tại Khoản 2 Điều 46.*

STT	Tên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Tòa án tự ghi nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi bổ sung 2009)	Số lần được áp dụng	Tỷ lệ
1	Người phạm tội chưa có tiền án tiền sự	26	26%
2	Người phạm tội có trình độ văn hóa thấp; nhận thức pháp luật kém; không biết chữ	1	1%
3	Người phạm tội có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải nuôi con nhỏ và bố mẹ già; người phạm tội thuộc thành phần lao động nghèo, học lực thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh bất hạnh, bố mẹ mất sớm, sống với bà ngoại sức yếu...	23	23%
4	Nhân thân tốt, ăn năn hối cải	27	27%
5	Người phạm tội tuổi còn trẻ, chưa thành niên	4	4%
6	Người phạm tội là người dân tộc thiểu số	0	0%
7	Người phạm tội có nơi cư trú rõ ràng, công việc làm ổn định	3	3%
8	Người phạm tội là lao động chính	2	2%
9	Người phạm tội là người có công đóng góp cho đất nước	1	1%

Tình hình khảo sát 100 bản án xét xử đối với các tội xâm phạm sở hữu tại tỉnh Đồng Nai thì các tình tiết được toà ghi nhận có tần suất áp dụng tương đối nhiều như tình tiết “*Nhân thân tốt, ăn năn hối cải*” có số lần áp dụng chiếm 27 trường hợp chiếm tỷ lệ 27%, tiếp theo là tình tiết “*Người phạm tội chưa có tiền án tiền sự*” có số lần áp dụng chiếm 26 trường hợp chiếm tỷ lệ 26%. Kế tiếp là tình tiết “*Người phạm tội có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải nuôi con nhỏ và bố mẹ già; người phạm tội thuộc thành phần lao động nghèo, học lực thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh bất hạnh, bố mẹ mất sớm, sống với bà ngoại sức*

yếu...” có số lần áp dụng chiếm 23 trường hợp chiếm tỷ lệ 23%. Các tình tiết có lại có số lần sử dụng không nhiều hoặc không được sử dụng.

Qua khảo sát thực tiễn xét xử cho thấy, các Thẩm phán ngày càng quan tâm đến việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Trong số các vụ án về xâm phạm sở hữu được xét xử trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai thì số vụ án được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS có tỉ lệ tương đối cao bởi lẽ Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng đã chú trọng hơn việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS; bị cáo, gia đình bị cáo cũng đã ý thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các tình tiết giảm nhẹ nên đã tích cực cung cấp cho Tòa án những tài liệu, giấy tờ chứng minh để người phạm tội được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Đối với Tòa án, khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS, phần lớn đã xem xét thận trọng, đánh giá toàn diện, khách quan khi xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Tuy nhiên, qua khảo sát các bản án cho thấy, thực tiễn có những cách hiểu khác nhau đối với quy định này dẫn đến việc vận dụng không nhất quán, thiếu chặt chẽ, thậm chí có thể dẫn đến tùy tiện, vận dụng sai khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 khi quyết định hình phạt.

Trên thực tế, có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau đối với quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000 của Hội đồng Thẩm phán, cụ thể như sau:

Đối với tình tiết quy định tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 có nội dung: *“Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định*

của Nhà nước”. Khi xét xử, HĐXX đã mở rộng “chủ thể” được tặng danh hiệu cao quý có quan hệ với người phạm tội ngoài vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột với người phạm tội thì mở rộng thêm là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cháu ruột kẻ người phạm tội là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại vì cho rằng, tình tiết thứ nhất tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 quy định chủ thể được tặng danh hiệu cao quý là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thứ hai của người phạm tội cho nên việc mở rộng phạm vi chủ thể như thế này vẫn thuộc hàng thừa kế thứ hai của người phạm tội. Quy định mở “...hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước”, dẫn đến việc HĐXX đã chấp nhận tình tiết bị cáo được công nhận lao động tiên tiến, có thành tích trong phong trào thi đua yêu nước... là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

VD: Như Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2012/HSST ngày 28/02/2012 của toà án Nhân dân Tỉnh Đồng Nai xét xử bị cáo Lê Ngọc Hạnh phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” khi lượng hình toà án đã áp dụng khoản 2 điều 46 BLHS cho bị cáo Hạnh được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS vì bị cáo có “ông bà nội là những người có thành tích trong kháng chiến và bảo vệ tổ quốc”

Đối với tình tiết “Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo” quy định tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000. Thực tế, HĐXX đã mở rộng phạm vi chủ thể sửa chữa, bồi thường thay cho bị cáo như bạn bè, đồng nghiệp, cấp trên của bị cáo sửa chữa bồi thường thay cho bị cáo thì HĐXX cũng áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 46 BLHS vì cho rằng việc mở rộng chủ thể bồi thường trong trường hợp này có thể nhanh chóng khắc phục, hạn chế hậu quả mà hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

VD: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2014/HSST ngày 27/5/2014 của toà án nhân dân Tỉnh Đồng Nai đã áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS cho bị cáo vì Công ty của bị cáo đã thay bị cáo bồi thường cho người bị hại.

Ngoài ra, khi khảo sát các bản án của toà án nhân dân Tỉnh Đồng Nai thì nhìn chung, đều có thực trạng sau đây khi giải quyết vụ án: Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 46 BLHS khi người phạm tội chỉ đáp ứng 01 nội dung đối

với những tình tiết giảm nhẹ được liệt kê tại khoản 1 Điều 46 BLHS có 02 nội dung. Chẳng hạn, đối với tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS, thực tiễn khi người phạm tội chỉ có tình tiết “phạm tội lần đầu” hoặc tình tiết “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” thì có Tòa án đã mặc nhiên áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 46 BLHS cho người phạm tội; đối với tình tiết, “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS nhưng người phạm tội không có trách nhiệm bồi thường nhưng đã tự nguyện bồi thường thì Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS cho người phạm tội.

Việc xác định các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ dựa vào hướng dẫn ở cuối điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 mà không có sự đánh giá cụ thể như tình tiết đã thu hồi được tài sản do phạm tội mà có; người phạm tội có công việc ổn định và cư trú rõ ràng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có trình độ văn hóa thấp, am hiểu pháp luật còn hạn chế; bị cáo là người có nhiều năm tham gia lực lượng vũ trang hoặc chiến đấu ở các chiến trường; bị cáo là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu bị phạt tù nhiều năm sẽ làm cho gia đình đặc biệt khó khăn...

Thực tiễn cho thấy việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS chưa thống nhất và có nhiều ý kiến khác nhau do nhận thức của những người tiến hành tố tụng chưa thống nhất, dẫn đến ngoài những tình tiết quy định tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS năm 1999”, rất ít khi Tòa án áp dụng thống nhất các tình tiết khác.

Hơn nữa, khi điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng chưa chú trọng thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 BLHS. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS hoặc có trường hợp lấy lý do không có điều kiện thẩm tra, xác minh nên HĐXX đã không chấp nhận tài liệu liên quan đến tình tiết giảm nhẹ

TNHS quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS do người thân của bị cáo xuất trình tại phiên tòa. Việc này dẫn đến thiệt thòi cho bị cáo, không đảm bảo sự công bằng của pháp luật.

2.1.3. Đánh giá tổng quan về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Đồng Nai

Mặt tích cực

Qua phân tích thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu cụ thể tại Tòa án Nhân dân Tỉnh Đồng Nai, ta có thể thấy rằng Hội đồng xét xử vận dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 tương đối chính xác, đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, thực hiện đúng chính sách hình sự của Nhà nước, nâng cao chất lượng xét xử. Những bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 là quy định mở, được HĐXX xem xét giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt. Nhìn chung việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 được các Tòa áp dụng đúng, các cơ quan, người tiến hành tố tụng đã nâng cao tinh thần trách nhiệm nên việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 thời gian qua đã đạt được hiệu quả nhất định, việc cá thể hóa TNHS và hình phạt đối với bị cáo được chính xác hơn, bảo đảm tính công bằng của pháp luật, góp phần thực hiện đúng chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Một số trường hợp, HĐXX có thể áp dụng có lợi cho người phạm tội. Việc phân tích cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo loại này đã khơi dậy lòng tự hào, ý thức trách nhiệm của bị cáo đối với truyền thống gia đình, công lao của bố mẹ và những người thân, từ đó bị cáo tự ăn năn, hối cải với hành vi phạm tội của mình, tự giác khai báo, tạo điều kiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS khích lệ các bị cáo thành khẩn khai báo, lập công chuộc tội... có ích trong việc phòng, chống tội phạm.

Việc cho phép Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS trong từng vụ án đối với từng bị cáo cụ thể nhằm mở rộng tính linh hoạt,

sáng tạo trong hoạt động xét xử của Tòa án, bảo đảm cho hoạt động xét xử được công bằng, chính xác, khách quan. Nó giúp Tòa án tính toán được sự tương xứng giữa mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội với chế tài hình sự.

Hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân

Thực tiễn xét xử cho thấy vẫn còn nhiều trường hợp Tòa án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS không có căn cứ, không đảm bảo điều kiện luật định. Việc áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 là quy định mở nên có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau dẫn đến việc vận dụng không được thống nhất, giao quyền quyết định cho Tòa án và HĐXX nên không thể tránh khỏi việc lợi dụng quy định này để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một cách không có căn cứ, làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. HĐXX áp dụng thiếu chính xác, không có căn cứ về các tình tiết giảm nhẹ TNHS tạo ra sự không công bằng cho những người phạm tội mà còn ảnh hưởng đến uy tín của ngành trong nhiệm vụ phòng chống tội phạm. Cùng một số vận dụng tùy nghi của HĐXX dẫn đến việc xem xét căn cứ để quyết định hình phạt đối với người phạm tội khác nhau, còn tùy thuộc quan điểm chủ quan của HĐXX. Xem xét mức độ ảnh hưởng giữa các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 1 hoặc giữa khoản 1 với khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 chưa có một cơ sở xác định định lượng mức độ giảm nhẹ hình phạt.

Một số bản án áp dụng không đúng về nội dung theo quy định của pháp luật. Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho người phạm tội trong khi các tình tiết thực tế của vụ án cho thấy có đủ cơ sở để áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định của BLHS. Không có nhận định về tình tiết giảm nhẹ trong bản án nhưng áp dụng tại phần quyết định hoặc có nhận định nhưng không áp dụng khi tuyên quyết định về hình phạt.

Còn nhiều vướng mắc trong thực tiễn do chưa có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, chi tiết dẫn đến nhiều cách hiểu và cách vận dụng khác nhau, như:

Việc phân biệt tình tiết giảm nhẹ này với tình tiết giảm nhẹ khác, như: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” với “người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”

Gia đình bị cáo bồi thường bằng tài sản chung của gia đình trong đó có phần của bị cáo thì áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 hay khoản 2 Điều 46 BLHS, việc xác định bị cáo có tích cực vận động gia đình bồi thường thay cho mình hay không là điều không dễ dàng và nếu có thì chỉ mang nặng tính hình thức, đối với bị cáo không bị tạm giam thì còn có điều kiện để tác động gia đình, bị cáo bị tạm giam không có điều kiện tiếp xúc với gia đình thì việc tác động là rất khó khăn, thậm chí là không được.

Quy định tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm b Khoản 1 Điều 46 BLHS cũng có hai quan điểm: Quan điểm thứ nhất cho rằng người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là một tình tiết giảm nhẹ. Quan điểm thứ hai cho rằng người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là ba tình tiết giảm nhẹ. Trên cơ sở xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo, mục đích của hình phạt thì quan điểm thứ hai được áp dụng trên thực tế nhiều vì thể hiện được chính sách khoan hồng của Nhà nước, thể hiện rõ nét kết hợp “trừng trị và giáo dục”. Hạn chế của tình tiết giảm nhẹ tại điểm b Khoản 1 Điều 46 BLHS là trường hợp người phạm tội vô gia cư hoặc không có người thân, không có tài sản thì họ không thực hiện được việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả dù họ rất muốn.

Nhận định cho hưởng tình tiết “gây thiệt hại không lớn” ... chưa có hướng dẫn làm cho HĐXX khó khăn khi quyết định vận dụng hay không vận dụng tình tiết này. Do đó, cần có văn bản hướng dẫn quy định cụ thể để có căn cứ áp dụng.

Có quan điểm cho rằng người phạm tội bị bắt quả tang thì họ không thể chối tội được nên phải khai đúng. Bên cạnh những lời khai của người phạm tội thì còn lời khai của những người làm chứng, người bị hại nên việc người phạm tội khai không đúng hay không thì không ảnh hưởng đến vụ án. Nếu cứ xem xét chủ quan, không cân nhắc thì dễ dẫn đến sự lạm dụng và không thể hiện được ý nghĩa về tình tiết giảm nhẹ này trong chính sách khoan hồng, nhân đạo.

Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trên là do:

Hoàn thiện quy định của pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS chưa

được chú trọng nên khi áp dụng cho từng trường hợp cụ thể những người tiến hành tổ tụng lúng túng trong nhận thức về nội dung của các tình tiết cũng như vận dụng cho đúng quy định, và cả trong cách giải thích cho người phạm tội hoặc gia đình người phạm tội để họ cung cấp chứng cứ chứng minh nhằm đảm bảo quyền lợi cho họ đã dẫn đến việc áp dụng chưa thống nhất và có trường hợp sai làm ảnh hưởng đến quyết định mức hình phạt không chính xác, không bảo đảm tính công bằng cho những người phạm tội giống nhau và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS giống nhau. Chưa hoàn thiện ở đây thể hiện thiếu, chưa đầy đủ quy định trong bộ luật và chưa có văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật trong các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Thông tư liên ngành... về các khái niệm tình tiết giảm nhẹ TNHS, hay thế nào là “ Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” thế nào là “ Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” cần so sách phân biệt rõ giữa hai tình tiết này tránh nhầm lẫn trong thực tiễn áp dụng hay tại điểm b Khoản 1 Điều 46 “ Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” có quan điểm cho rằng đây là một tình tiết giảm nhẹ, có quan điểm cho rằng đây là ba tình tiết giảm nhẹ, ở điểm này cũng cần có hướng dẫn cụ thể để áp dụng thống nhất trong thực tiễn và hay tình tiết “ Gây thiệt hại không lớn ..” thế nào là gây thiệt hại không lớn? cũng cần phải có hướng dẫn cụ thể. Việc áp dụng rạch ròi giữa khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, giá trị pháp lý và ảnh hưởng của nó là một căn cứ quyết định hình phạt. Các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật của các cơ quan Tư pháp Trung ương ban hành vẫn chưa kịp thời.

Chưa có chuyên đề về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt nhằm nâng cao nhận thức pháp luật và áp dụng đúng khi quyết định mức hình phạt.

Việc tập huấn bồi dưỡng cán bộ không thường xuyên, chất lượng còn hạn chế, thời gian tập huấn ngắn đối với số lượng người đông, còn thời gian tập huấn dài ngày thì số lượng người được tập huấn ít. Thời gian tập huấn ngắn làm cho báo cáo viên không truyền đạt được cặn kẽ, không mở xé vấn đề ở nhiều góc cạnh khác nhau, không đủ thời gian trả lời hết thắc mắc của học viên, bản thân học viên chưa

đủ thời gian nhận thức sâu. Nội dung tập huấn chuyên môn hay bồi dưỡng nghiệp vụ thường thiên về tội phạm học hoặc tố tụng, ít khi tập huấn về hình sự, hiếm khi có nội dung chính về các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà được sơ lược qua ở phân tích điều kiện cho hưởng án treo. Kinh phí giành cho công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng rất hạn chế so với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nên cũng xem đây là hạn chế cần quan tâm và có giải pháp.

Đối với lực lượng Hội thẩm nhân dân là người xét xử không chuyên nghiệp, cùng với Thẩm phán đại diện cho quyền lực Nhà nước, thực hiện quyền xét xử của Nhà nước trao. Phần lớn Hội thẩm nhân dân là cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có trình độ chuyên môn được đào tạo ở bậc đại học. Do các Hội thẩm nhân dân xét xử không chuyên nên trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, trách nhiệm của họ đối với phán quyết qua từng bản án, quyết định chưa được chú trọng vì không có chế tài. Việc tập huấn chuyên môn luật đối với Hội thẩm nhân dân còn rất ít, chưa kịp thời, thiếu cung cấp văn bản pháp luật đầy đủ để phục vụ cho yêu cầu công tác xét xử. Bên cạnh đó cũng có rất nhiều Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử rất tích cực, tâm huyết, có kiến thức pháp luật, có kinh nghiệm xét xử, kinh nghiệm sống.

2.2. Hoàn thiện pháp luật và giải pháp về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

2.2.1. Hoàn thiện pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Từ những nghiên cứu khoa học của mình, tác giả đề xuất một số ý kiến mang tính chất tham khảo để hoàn thiện các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu. Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 tương đối đầy đủ, rõ ràng giúp cho việc áp dụng khi quyết định hình phạt được chính xác hơn. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử vẫn còn có những tình tiết gây ra nhiều cách hiểu khác nhau nên cần có văn bản hướng dẫn thống nhất áp dụng pháp luật hoặc cần có những tình tiết trong thực tiễn áp dụng có giá trị giảm nhẹ cần phải bổ sung vào điều luật.

Thứ nhất: Hoàn thiện tình tiết tại điểm b Khoản 1 Điều 46 “ Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” khảo sát qua 100 bản án về các tội xâm phạm sở hữu thì tình tiết điểm b Khoản 1 Điều 46 được áp dụng tương đối nhiều nhưng việc vận dụng vẫn có nhiều cách hiểu và quan điểm khác nhau, có quan điểm thì cho rằng đó là một tình tiết giảm nhẹ, có quan điểm thì cho rằng đó là ba tình tiết giảm nhẹ từ đó dẫn đến việc áp dụng chưa thống nhất. Theo quan điểm của tác giả ở tình tiết này cần quy định lại rõ ràng hơn cụ thể để áp dụng thống nhất hoặc tách riêng thành từng tình tiết thể hiện trong BLHS hoặc sửa đổi bổ sung theo hướng có sự rõ ràng như: “ Người phạm tội tự nguyện sửa chữa *hoặc* bồi thường thiệt hại *hoặc* khắc phục hậu quả” thay dấu “,” thành “*hoặc*” như vậy để được áp dụng tính tiết giảm nhẹ này chỉ cần có một trong các yếu tố “tự nguyện sửa chữa” hoặc “bồi thường thiệt hại” hoặc “ khắc phục hậu quả”. Tại BLHS 2015 quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 cũng đã chỉnh sửa theo hướng rõ hơn “ *Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” như vậy ở tình tiết điểm b Khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 được hiểu là có hai tình tiết giảm nhẹ một là “ Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” hai là “ khắc phục hậu quả”

Thứ hai: Đối với tình tiết tại điểm o Khoản 1 Điều 46 “Người phạm tội tự thú”: Do Bộ luật hình không quy định cụ thể, cho nên khái niệm tự thú còn có cách hiểu khác nhau. Trong thực tiễn vẫn có sự nhầm lẫn giữa “tự thú” và “đầu thú”. Xét về bản chất, rõ ràng “tự thú” thể hiện được giá trị giảm nhẹ nhiều hơn “đầu thú” do người phạm tội dù chưa bị phát hiện đã tự mình đến khai báo, nhận tội. Tuy nhiên, cả hai đều là trường hợp người phạm tội mặc dù chưa bị bắt nhưng đã chủ động đến nhận tội và chịu sự trừng phạt của pháp luật nên cả hai đều đáng được khoan hồng. Theo quan điểm của tác giả, nên đưa “đầu thú” vào trong Khoản 1 Điều 46 BLHS để làm căn cứ giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội. Có thể quy định tại chung một điểm với “tự thú” như sau : “*Người phạm tội tự thú hoặc đầu thú*”, hoặc có thể tách ra thành một điểm riêng biệt “*Người phạm tội đầu thú*”. Đồng thời, nên có hướng dẫn cụ thể về khái niệm của “tự thú” và “đầu thú” để tránh sự nhầm lẫn trong việc

vận dụng pháp luật hình sự. Ở BLHS 2015 quy định tại Khoản 2 Điều 46 cũng đã đưa tình tiết “đầu thú” là tình tiết giảm nhẹ khi toà án quyết định hình phạt nhưng phải ghi rõ trong bản án.

Thứ ba: Tại Khoản 2 Điều 46 và điểm c Mục 5 nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP quy định “ Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước...” Trên thực tiễn xét xử các tội xâm phạm sở hữu tại Đồng Nai thì việc áp dụng tình tiết tương đối nhiều và việc HĐXX mở rộng chủ thể có trường hợp mở rộng “ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại...”. Theo quan điểm của tác giả đối với tình tiết này được áp dụng đối với người phạm tội là thể hiện sự ghi nhận công lao của đối tượng thuộc hàng thừa kế thứ 1 đối với người phạm tội. Để tránh tình trạng mở rộng chủ thể trong xét xử nên cụ thể hoá và đưa vào Khoản 1 Điều 46 thể hiện rõ về công trạng và đối tượng như: “*người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng*”

Thứ tư: Tại Khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 cũng đã bổ sung thêm 4 tình tiết giảm nhẹ TNHS *Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (điểm đ); Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra (điểm l); Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng (điểm p); Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng (điểm x)*. Việc cụ thể hoá thêm các tình tiết này phù hợp với thực tế áp dụng có như vậy thì quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong Luật hình sự mới ngày càng hoàn thiện, bảo đảm cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật đạt được kết quả cao trong thực tiễn, vừa đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa vừa thể hiện được tính nhân đạo mà pháp luật hình sự Việt Nam đang hướng tới.

2.2.2. Giải pháp áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS

Từ những đánh giá tổng quan về thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quá trình giải quyết vụ án và chỉ ra được những nguyên nhân của những bất cập trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu trong quá trình giải quyết vụ án thì tác giả xin đưa ra những Giải pháp

bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử đối với các tội xâm phạm sở hữu sau đây

Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu.

Thứ nhất: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS từ thời kỳ trước pháp điển hoá 1985 cho đến khi ban hành BLHS 1985, BLHS 1999 (sửa đổi bổ sung 2009) lại không đưa ra Khái niệm chung về tình tiết giảm nhẹ TNHS dẫn đến có nhiều quan niệm khác nhau về Khái niệm tình tiết giảm nhẹ TNHS chính vì điều đó Cơ quan tư pháp Trung ương cần xây dựng một cách đầy đủ, rõ ràng, khoa học thế nào là khái niệm chung về tình tiết giảm nhẹ TNHS và cấu thành cụ thể của từng tình tiết giảm nhẹ, Thêm nữa trách nhiệm thu thập chứng cứ chứng minh các tình tiết giảm nhẹ TNHS, khái quát chung những điều kiện cần và đủ cho việc vận dụng các tình tiết giảm nhẹ trong việc áp dụng.

Thứ hai: Tòa án Tối cao cần kịp thời ban hành Nghị quyết hướng dẫn mới của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn những điểm chưa được hướng dẫn hoặc hướng dẫn chưa cụ thể như một số tình tiết cụ thể “ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” như thế nào là gây “thiệt hại không lớn” cần có hướng dẫn cụ thể có định lượng về điểm này, Hoặc tình tiết “ Phạm tội lần đầu” cần có khái niệm cụ thể thế nào là “ Phạm tội lần đầu” hay “ Người phạm tội là người già” Người già thì thông thường trí tuệ giảm sút, cơ thể suy yếu và có ảnh hưởng tới tâm, sinh lý. Do vậy việc giảm nhẹ TNHS cho họ là điều đúng đắn, đảm bảo tinh thần nhân đạo của pháp luật hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn điều tra truy tố xét xử cho thấy do quy định của BLHS còn quá chung chung nên việc áp dụng không thống nhất, thậm chí, trong một số trường hợp, việc áp dụng tình tiết này còn không đúng bản chất của nó, gây ảnh hưởng xấu. Khi nào được coi là người già và trong trường hợp nào thì được hưởng tình tiết giảm nhẹ này tình tiết này cũng cần được hướng dẫn cụ thể, đặc biệt là phân biệt những tình tiết giảm nhẹ cùng tính chất

và mức độ giảm nhẹ của từng loại tình tiết để đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Thứ ba: Hiện nay, tình hình kinh tế - xã hội và tình hình tội phạm đã có nhiều thay đổi, xu hướng áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, Nghị quyết số 01/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn có chiều hướng mở rộng nên càng cần các chủ thể áp dụng có nhận thức thức đúng thực tế đã và đang phát sinh nhiều vướng mắc dẫn đến nhận thức không thống nhất như tình tiết quy định tại điểm c Mục 5 Nghị quyết 01/2000 “ Vợ chồng, cha, mẹ, con, anh chị em ruột bị cáo là người có công với nước” khi xét xử có HĐXX đã mở rộng chủ thể có quan hệ với người phạm tội là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại với tình tiết này cũng cần hướng dẫn kịp thời để đảm bảo hiệu quả của việc áp dụng pháp luật.

Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nghề nghiệp của đội ngũ những người tiến hành tố tụng

Thứ nhất: Mục tiêu của cải cách tư pháp là xây dựng nền Tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại hóa, từng bước hiện đại hóa, phục vụ nhân dân, phụng sự đất nước. Một trong những nhân tố quyết định cho việc thực hiện thành công công cuộc cải cách tư pháp là từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Vì vậy, phải hết sức quan tâm đến việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cơ quan tư pháp, đặc biệt là các Thẩm phán một cách toàn diện để đảm bảo có đội ngũ cán bộ “có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, có kiến thức pháp luật cần và đủ, kinh nghiệm hoạt động xã hội, có tinh thần trách nhiệm vì dân”, mỗi cán bộ công chức của ngành Tòa án phải thực sự là người “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” như chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Việc áp dụng các quy định của pháp luật nói chung và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói riêng đòi hỏi những người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, đặc biệt là thẩm phán Tòa án các cấp phải nghiên cứu chính xác, đầy đủ nội

dung các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS; đồng thời phải có năng lực thực tiễn áp dụng vào từng vụ án cụ thể.

Thứ hai: Tổ chức tập huấn, hội thảo khoa học cho người tiến hành tố tụng chuyên đề về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Việc tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ để nâng cao nhận thức pháp luật, kinh nghiệm vận dụng pháp luật là một giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác điều tra, truy tố, xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp. Hàng năm, TAND tối cao nên mở các hội nghị chuyên đề hoặc hội thảo, tọa đàm. Thông qua hội nghị, đưa ra các bài tham luận của những nhà nghiên cứu về pháp luật để tranh luận, tìm ra những yếu tố mới nhằm rút kinh nghiệm, bàn phương hướng nhằm khắc phục những tồn tại, dự đoán tương lai để sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn kịp thời khi xử lý tình huống mới.

Tăng cường tổng kết thực tiễn, thanh tra, kiểm tra việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn xét xử. Thường xuyên tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác ngành trong đó có nội dung thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Đây là một biện pháp để kịp thời kiểm nghiệm các quy định của BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS xem có phù hợp với thực tiễn xét xử hay không, kịp thời giải quyết những vướng mắc và uốn nắn các sai sót cho các cơ quan tiến hành tố tụng cấp dưới. Kiểm tra việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 trong kết quả xét xử các vụ án hình sự để có sự đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời những sai sót, vi phạm trong việc áp dụng. Cần có sự tổng hợp, đánh giá và kết luận những tình tiết nào áp dụng đúng để áp dụng thống nhất trong toàn ngành.

Làm tốt công tác kiểm tra các bản án của Tòa án các cấp để tìm ra những sai phạm nói chung và sai phạm trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt nói riêng để xử lý sai phạm, bảo đảm cho việc áp dụng đúng các quy định của pháp luật, chống án oan sai, chống bỏ lọt người, lọt tội.

Kết Luận Chương 2

1. Tác giả nêu ra những luận điểm về cơ sở giảm nhẹ đối với Các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 và thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Tỉnh Đồng Nai

2. Từ thực tiễn xét xử các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu tác giả có cái nhìn và đánh giá tổng quan về thực trạng áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS nêu ra mặt tích cực và hạn chế trong thực tiễn xét xử

3. Từ đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS

KẾT LUẬN

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 là một trong những căn cứ quan trọng để Tòa án quyết định hình phạt đối với người phạm tội thuộc nhóm tội xâm phạm sở hữu với ý nghĩa là cơ sở giảm nhẹ TNHS. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS tuy không làm thay đổi tính chất của tội phạm nhưng chúng là những tình tiết làm giảm mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong một cấu thành tội phạm cụ thể.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động xét xử của ngành Tòa án nói riêng, thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, góp phần thực hiện mục đích của hình phạt “không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội”.

Trong quá trình quyết định hình phạt đối với người phạm tội, việc nhận thức thống nhất về vai trò của các tình tiết giảm nhẹ TNHS để xem xét, cân nhắc và áp dụng chính xác các tình tiết này trong thực tiễn là nhiệm vụ rất quan trọng của các Tòa án nước ta hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu về các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu là một việc làm có ý nghĩa rất lớn đối bản thân người viết.

Phân tích những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói chung cũng như các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu nói riêng như bản chất pháp lý, vai trò của các tình tiết giảm nhẹ TNHS, phân biệt các tình tiết giảm nhẹ TNHS với các tình tiết định tội, định khung hình phạt góp phần giúp các chủ thể áp dụng pháp luật áp dụng được đầy đủ, chính xác và đúng các quy định của pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Từ những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nghiên cứu các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS hiện hành (BLHS năm 1999) có đáp ứng được những yêu cầu mà Nhà nước đặt ra đối với các tình tiết giảm nhẹ TNHS hay không từ đó đưa ra những giải pháp nhằm đảm bảo áp dụng đúng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử.

Qua nghiên cứu 100 bản án của TAND Tỉnh Đồng Nai, nhận thấy thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 đã có những ưu điểm nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn không ít các trường hợp áp dụng những tình tiết này chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác. Do đó, cần đưa ra những kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu hoàn thiện các quy định của BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS;

Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS... đưa ra những giải pháp để đảm bảo áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Cẩm và Trịnh Tiến Việt (2002). *Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 01) tr 17, Hà Nội..
2. Nguyễn Ngọc Hòa và Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, NXB Tư Pháp, Hà Nội.
3. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS năm 1999*.
4. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*.
5. Phạm Thị Hương (2013), *“Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam”*, Luận văn thạc sĩ ngành Luật hình sự, Người hướng dẫn: Trần Đình Nhã, Học viện khoa học xã hội.
6. Vũ Thành Long (2007), *“Bàn về tình tiết giảm nhẹ khác ở khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự”*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 22, tháng 11-2007.
7. Nguyễn Thị Linh Nga (2011), *“Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam”*, Luận văn thạc sĩ ngành Luật hình sự, người hướng dẫn: Đào Trí Úc, Học viện khoa học xã hội.
8. Nguyễn Thị Ngọc Phương (2014), *“Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh”*, Luận văn thạc sĩ ngành Luật hình sự, người hướng dẫn: Nguyễn Thị Phương Hoa, Học viện khoa học xã hội.
9. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 – phần chung*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
10. Đinh Văn Quế (2000), *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đinh Văn Quế (2009), *Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần*

đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, tạp chí TAND, (số 9), tr.14-18.

12. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự Việt Nam 1985*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự Việt Nam 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Trần Đình Thắng (2010) “ *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*”
Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (số 14)

16. Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Nai (2012- 2016), *100 Bản án*.

17. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30 tháng 9 năm 2002 về việc hướng dẫn áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự*.

18. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ*, Hà Nội.

19. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – phần chung*, Nxb Đại học Quốc gia.

20. Trịnh Tiến Việt (2004), “*Về ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong việc quyết định hình phạt*”, Tạp chí Khoa học pháp luật,(số 1).

21. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

22. Viện ngôn ngữ học (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ Việt Nam, Hà Nội.

23. Trần Thị Quang Vinh chủ biên (2012) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – phần chung*, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam

24. Trần Thị Quang Vinh (2001), *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.

25. Trần Thị Quang Vinh (2005), *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*

trong luật hình sự, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

26. Võ Khánh Vinh chủ biên (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

27. Võ Khánh Vinh, Trần Thị Quang Vinh (1996) “*Về khái niệm, bản chất, ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Việt Nam*” Tạp trí Toà án nhân dân (Số 6)